

Số: 02 /KL-UBND

U Minh Thượng, ngày 25 tháng 9 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Thực hiện Quyết định số 2264/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện U Minh Thượng về thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Từ ngày 15/6/2023 đến ngày 26/7/2023. Đoàn Thanh tra đã tiến hành làm việc với đơn vị được thanh tra và các cá nhân có liên quan. Quá trình thanh tra Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-DTTr, ngày 17/8/2023 của Đoàn Thanh tra.

Kết luận thanh tra như sau:

1. Khái quát chung

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường, trong đó có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (sau đây gọi tắt là cấp giấy CNQSDĐ lần đầu) cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Hiện nay, huyện U Minh Thượng có tổng diện tích tự nhiên là 43.270,13ha; diện tích cần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 41.431,17ha (chiếm 95,75%). Tổng diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39.571 ha chiếm 95,52% diện tích cần cấp giấy với 18.709 giấy, diện tích chưa cấp giấy là 1.860,17ha.

Về tổ chức bộ máy: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện hiện có 06 biên chế gồm Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 04 chuyên viên phụ trách; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện và sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên

và Môi trường huyện đã tham mưu thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật; công chức phụ trách được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp nắm vững các quy trình, quy định. Từ đó, tạo nhiều thuận lợi trong quá trình thực hiện cùng với công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày càng tạo điều kiện cho người dân giảm tối đa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đơn vị còn vướng phải một số khó khăn như công tác phối hợp giữa cơ quan tham mưu, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và ủy ban nhân dân xã từng lúc, từng nơi chưa chặt chẽ. Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai của một số công chức và một bộ phận nhân dân còn hạn chế, còn trường hợp không tự giác chấp hành việc tự nguyện đăng ký cấp giấy CNQSDĐ lần đầu.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT, ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Kiên Giang có ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 04/3/2019, Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 26/3/2021, Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 và Quyết định số 2734/QĐ-UBND, ngày 09/11/2021 về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong quy trình nội bộ nêu cụ thể trách nhiệm của người sử dụng đất và các cơ quan có liên quan trong việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu như:

- Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND huyện (toàn bộ hồ sơ trong niên độ thanh tra đều được tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND huyện).
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào sổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và trao Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho người nộp hồ sơ.
- Cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc.
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau:
 - + Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);
 - + Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu

nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật); chuẩn bị hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

- + Kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

- + Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai:

- + Cập nhật bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

- + Trao Giấy chứng nhận cho người được cấp đã nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính (hoặc đã ký hợp đồng thuê đất hoặc được miễn nghĩa vụ tài chính liên quan đến thủ tục hành chính) hoặc gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trao cho người được cấp đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại cấp xã.

Thời gian thực hiện 43 ngày làm việc (bao gồm 3 ngày hướng dẫn hồ sơ chưa hợp lệ và 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa).

Qua kiểm tra hồ sơ từ năm 2021 đến năm 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã thẩm định tổng số là 274 hồ sơ với tổng diện tích hơn 230 ha (năm 2021 là 128 hồ sơ, năm 2022 là 146 hồ sơ), nguồn gốc chủ yếu từ khai phá, nhận tặng cho, nhận chuyển nhượng và được nhà nước cấp từ năm 1993 về trước. Tuy nhiên, qua kiểm tra vẫn còn một số hồ sơ sai sót về trình tự, thủ tục như sau:

- Tất cả phiếu ISO đều không ghi đầy đủ nội dung (*kèm phụ lục 01*).

- Không có thủ tục công khai tại khu dân cư nơi có đất là 274 hồ sơ, đồng thời có một số hồ sơ thiếu biên bản niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai tại UBND xã là sai quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*kèm phụ lục 01*).

- Tiến hành đo đạc trước khi nhận hồ sơ là 250 hồ sơ là sai quy định theo quy trình nội bộ, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*kèm phụ lục 01*).

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng, năm là 12 hồ sơ (*kèm phụ lục 01*).

- Ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy CNQSDĐ là 06 hồ sơ sai quy định theo quy trình nội bộ (*kèm phụ lục 02*).

- Hồ sơ trễ hẹn là 133 hồ sơ (*kèm phụ lục 03*) tính từ ngày nhận hồ sơ đến ngày trả kết quả là sai quy định theo quy trình nội bộ. Trong đó, nguyên nhân trễ hẹn thuộc trách nhiệm của các đơn vị gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, UBND xã, Chi cục thuế

Khu vực Vĩnh Thuận – U Minh Thượng. Ngoài ra, một số hồ sơ do người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm, người sử dụng đất ở xa nên ảnh hưởng đến thời gian thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

2.2. Trình tự, thủ tục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Kiên Giang có ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 04/3/2019, Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 26/3/2021, Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 và Quyết định số 2734/QĐ-UBND, ngày 09/11/2021 về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong quy trình nội bộ nêu cụ thể trách nhiệm của người sử dụng đất và các cơ quan có liên quan trong việc chuyển mục đích sử dụng đất như:

- Người sử dụng đất nộp đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất; hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

- Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Thời gian thực hiện 28 ngày làm việc (bao gồm 03 ngày hướng dẫn hồ sơ chưa hợp lệ và 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa).

Qua kiểm tra, từ năm 2021 đến năm 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã tiếp nhận và thẩm định 72 hồ sơ với hơn 2,3 ha (năm 2021: 20 hồ sơ, năm 2022: 52 hồ sơ). Trong đó, chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn 2.492,6m²; từ đất trồng lúa sang đất ở nông thôn 5.215,5m²; từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở nông thôn 50m²; từ đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ 900,5m² và từ đất trồng lúa sang đất sản xuất kinh doanh 14.974,5m², diện tích và vị trí chuyển mục đích đảm bảo phù hợp với quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, qua kiểm tra vẫn còn một số hồ sơ sai sót về trình tự, thủ tục như sau:

- Tất cả Phiếu ISO đều không ghi đầy đủ nội dung (*kèm phụ lục 04*).
- Tiến hành đo đạc trước khi nhận hồ sơ: 64 hồ sơ là sai quy định theo quy trình nội bộ, Điều 69, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*kèm phụ lục 04*).
- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng, năm là 04 hồ sơ (*kèm phụ lục 04*).
- Trễ hạn là 13 hồ sơ (*kèm phụ lục 05*) tính từ ngày nhận hồ sơ đến ngày trả kết quả là sai quy định theo quy trình nội bộ. Trong đó, nguyên nhân trễ hạn thuộc trách nhiệm của các đơn vị gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện và Chi cục thuế Khu vực Vĩnh Thuận – U Minh Thượng.

3. Kết luận

3.1. Ưu điểm

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có nhiều cố gắng trong việc tham mưu UBND huyện quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện, trong đó có công tác cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất. Công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan được thực hiện thường xuyên. Tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân khi đến làm các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai. Từ đó, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện ổn định, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3.2. Hạn chế

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định hồ sơ chưa chặt chẽ dẫn đến một số hồ sơ còn thiếu thủ tục như: Tất cả phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung; toàn bộ hồ sơ đều không có thủ tục công khai tại khu dân cư nơi có đất, một số hồ sơ thiếu biên bản công khai và kết thúc niêm yết công khai tại UBND xã; một số tờ trình ghi thời gian sau ngày cấp giấy CNQSDĐ; một số hồ sơ thực hiện còn trễ hạn. Tham mưu UBND huyện thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chưa kịp thời dẫn đến việc UBND các xã thực hiện chưa đầy đủ thủ tục niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở UBND xã và không có thủ tục niêm yết công khai tại khu dân cư nơi có đất. Chưa tham mưu UBND huyện ban hành văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh việc đo đạc trước khi nhận hồ sơ.

3.3. Trách nhiệm

- Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu UBND huyện trong thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn năm 2021-2022 còn sai sót như đã nêu là sai quy định tại Điều 69, Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 04/3/2019, Quyết định số 819/QĐ-UBND, ngày 26/3/2021, Quyết định số 2302/QĐ-UBND, ngày 28/9/2021 và Quyết định số 2734/QĐ-UBND, ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố quy trình nội bộ, về việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Đối với Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện hướng dẫn người dân đăng ký cấp giấy phải thực hiện trích đo địa chính trước khi nộp hồ sơ đăng ký là sai quy trình nội bộ. Cán bộ đo đạc thực hiện việc trích đo địa chính thời gian kéo dài. Một số hồ sơ không ghi đầy đủ nội dung trên phiếu ISO, trả kết quả cho người dân vẫn còn trễ hẹn.

- Đối với UBND các xã thực hiện chưa đầy đủ thủ tục niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở UBND xã và không có thủ tục niêm yết công khai tại khu dân cư nơi có đất; xác minh nguồn gốc đất chậm dẫn đến một số hồ sơ bị trễ hẹn trong việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu trên địa bàn các xã.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không

5. Biện pháp xử lý

5.1. Về chủ trương

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện nghiêm việc thẩm định, kiểm tra chặt chẽ các hồ sơ đảm bảo trình tự, thủ tục liên quan đến việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân hạn chế các sai sót xảy ra. Đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở UBND các xã thực hiện nghiêm quy trình niêm yết công khai theo quy định.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện thực hiện đúng quy trình thủ tục quy định tại Điều 69, Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn có liên quan và Quyết định số 1645/QĐ-UBND, ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Đất đai, Môi trường, Tài nguyên nước, Biển và Hải đảo, Đo đạc và Bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- UBND các xã thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Công

văn số 359/UBND-TNMT, ngày 08/12/2021 của UBND huyện về việc chấn chỉnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đồng thời thực hiện nghiêm túc việc giao nhận hồ sơ đúng thời gian quy định.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu UBND huyện ban hành văn bản đề nghị Chi cục thuế Khu vực Vĩnh Thuận – U Minh Thượng xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất khi đăng ký cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo đúng thời gian quy định.

5.2. Về tổ chức

*** Đối với tập thể**

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện trong việc tham mưu UBND huyện thực hiện cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất để xảy ra sai sót như đã nêu.

- Giao Chủ tịch UBND các xã tổ chức giới thiệu rút kinh nghiệm đối với các cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các thủ tục cấp giấy CNQSDĐ lần đầu trên địa bàn các xã để xảy ra sai sót như đã nêu.

- Giao Phòng Nội vụ huyện tham mưu UBND huyện ban hành văn bản đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện tổ chức họp giới thiệu rút kinh nghiệm đối với tập thể Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện trong thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất để xảy ra sai sót như đã nêu.

*** Đối với cá nhân**

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với ông Đào Hữu Chí, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện trong việc tham mưu UBND huyện thẩm định cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất để xảy ra sai sót như đã nêu.

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện trong việc tham mưu thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất để xảy ra sai sót như đã nêu.

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với ông Nguyễn Hoàng Nam, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện về trách nhiệm tham mưu Trưởng phòng trong việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn từ tháng 01/2021-10/2021 để xảy ra sai sót như đã nêu.

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với ông Nguyễn Thành Công, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện về trách nhiệm tham mưu Trưởng phòng trong việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn từ 10/2021 đến nay để xảy ra sai sót như đã nêu.

- Giao Phòng Nội vụ huyện tham mưu UBND huyện ban hành văn bản đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện tổ chức họp giới thiệu rút kinh nghiệm đối với bà Huỳnh Thị Như Nguyệt, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện trong việc quản lý, chỉ đạo thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ lần đầu và chuyển mục đích sử dụng đất để xảy ra sai sót như đã nêu.

5.3. Về vật chất

Do các hồ sơ thiếu sót về trình tự, thủ tục không ảnh hưởng đến nghĩa vụ tài chính về đất đai nên không kiến nghị về vật chất.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra cho Ủy ban nhân dân huyện (qua Thanh tra huyện)./. *Đur*

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Lưu: VT, HSĐT.Tra.



Nguyễn Quốc Khởi

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ SƠ CẤP GIẤY CNQSDĐ LẦN ĐẦU SAI SÓT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC
(Kèm Kết luận thanh tra số 02 /KL-UBND, ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

Phụ lục 01

1. XÃ VINH HOA									
STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc đất	Diện tích (m2)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày tra KQ (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/ Sai sót	Ghi chú
NĂM 2021									
01	Trần Văn Nhọc	Ấp Lỗ 12	Năm 1975 ông Lê Văn Hai khai phá, năm 1990 chuyển nhượng cho ông Trần Văn Ngoc, 2001 cho lại con là ông Trần Văn Nhọc	14.152,3	4/2/2020	31/5/2019	5/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
02	Phạm Văn Quý	Ấp Lỗ 12	Năm 1964 ông Phạm Văn Hội khai phá và SID đến năm 1999 cho lại con là ông Phạm văn Quý	10.818,6	21/01/2021	1/10/2020	3/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
03	Bùi Văn Ủi	Ấp Vinh Thanh	Năm 1959 ông Bùi Văn Tông khai phá và SID đến năm 2003 cho lại con là ông Bùi Văn Ủi.	3.304,8	8/6/2021	năm 2020	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất. - Ban mô tả RG, MGTĐ không ghi ngày tháng	
04	Nguyễn Văn Ủi	Ấp Cây Bang	Năm 1969 ông Bùi Văn Chỏi khai phá, năm 3/1999 chuyển nhượng cho ông Nguyễn văn Đền, năm 2000 cho lại con là ông Nguyễn Văn Ủi	3.942,8	18/3/2021	27/4/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
05	Trần Bè Nhỏ	Ấp Cây Bang	Năm 1966 Ông Trần Văn Danh khai phá, năm 2001 cho lại con là ông Trần Bè Nhỏ	9.929,1	1/11/2021	27/4/2021	28/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
06	Trần Văn Chính	Ấp Cây Bang	Năm 1964 ông Bùi Văn Niên khai phá, SID đến năm 1991 chuyển nhượng ông Trần Văn Danh sử dụng đến năm 2000 cho lại con Trần Văn Chính	1.422,9	20/7/2021	19/4/2011/	28/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
07	Trần Bè Nhỏ	Ấp Cây Bang	Năm 1976 ông Đồng Văn Hỷ khai phá, SID đến năm 1989 chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đanh, năm 2000 cho lại con Trần Bè Nhỏ	13.489,8	30/9/2021	27/4/2021	23/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
08	Trần Văn Thương	Ấp Vinh Thanh	Năm 1968 ông Trần Văn Ba khai phá và SID đến năm 1990 cho lại con Trần Văn Thương	5.652,9	27/4/2021	15/3/2021	27/9/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
09	Phạm Văn Huệ	Ấp Lỗ 12	Năm 1964 ông Phạm Văn Hội khai phá và SID năm 2000 cho lại con Phạm Văn Huệ	12.439,9	23/11/2021	năm 2020	19/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả RG, MGTĐ không ghi ngày tháng	

10	Phạm Văn Tuấn	Ấp Lô 12	Năm 1964 ông Phạm Văn Hội khai phá và SD năm 1999 cho lại con Phạm Văn Tuấn	10.127,6	21/01/2021	năm 2020	25/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả RC, MGTĐ không ghi ngày tháng	
11	Nguyễn Văn Em	Ấp Vĩnh Thanh	Năm 1978 ông Bùi Văn Công khai phá, SD đến năm 2000 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Em	5.990,7	22/9/2020	19/3/2019	29/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Nguyễn Thị A	Ấp Hoà Bình	Năm 1975 ông Nguyễn Văn Trầm khai phá và SD, năm 1990 cho lại con ruột Nguyễn Văn Tường và con dâu Nguyễn Thị A.	10.713,3	21/01/2021	K ghi ngày, tháng, năm	25/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả RC, MGTĐ không ghi ngày tháng năm	
13	Phạm Văn Hoà	Ấp Lô 12	Năm 1964 ông Phạm Văn Hội khai phá và SD, năm 1996 cho con Phạm Văn Hoà	6.883,8	21/01/2021	năm 2020	25/03/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả RC, MGTĐ không ghi ngày tháng	
14	Phạm Văn Ách	Ấp Lô 12	Năm 1964 ông Phạm Văn Hội khai phá và SD, năm 1991 cho con Phạm Văn Ách	2.654,9	21/01/2021	năm 2020	25/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả RC, MGTĐ không ghi ngày tháng	
15	Nguyễn Văn Thông	Ấp Vĩnh Thanh	Năm 1979 ông Nguyễn Văn Hưng khai phá và SD đến 9/2006 thì cho lại con ông Nguyễn Văn Thông	9.451,6	21/10/2020	năm 2020	5/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả RC, MGTĐ không ghi ngày tháng	
16	Trần Văn Ứng	Ấp Lô 12	Năm 1970 ông Nguyễn Văn Đức khai phá và SD, năm 1996 chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Ứng	5.209,1	25/12/2020	7/3/2019	8/2/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

NĂM 2022

01	Huỳnh Thị Hiền	Ấp Cây Bàng	Năm 1962 ông Bùi Văn Bàng khai phá và SD, năm 1985 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Hùng, năm 1994 cho lại con Huỳnh Thị Hiền	15.184,2	1/11/2021	19/4/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Lý Văn Hai	Ấp Cây Bàng	Năm 1961 ông Lý Văn Chương khai phá, năm 1989 chuyển nhượng cho ông Lý Văn Chương, năm 1997 cho lại con Lý Văn Hai	25.337,1	3/11/2021	27/4/2021	12/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Huỳnh Văn Nhì	Ấp Cây Bàng	Năm 1969 ông Nguyễn Văn Đền khai phá và SD, năm 1998 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Nhì	3.884,5	30/6/2021	19/4/2021	10/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Nguyễn Văn Hồng	Ấp Cây Bàng	Năm 1966 ông Nguyễn Văn Bảy khai phá sử dụng, năm 1968 cất nhà ở, năm 1989 cho lại con ông Nguyễn Văn Hồng	718,5	23/10/2019	10/9/2019	11/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
05	Nguyễn Thanh Bình	Ấp Lô 12	Năm 1976 Bà Mai Thị Mạnh khai phá, SD, năm 2006 cho lại con Nguyễn Thanh Bình	10.279,1	22/7/2022	9/5/2022	22/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

06	Trần Bê Nhỏ	Ấp Cây Bàng	Ông Đồng Văn Dũng khai phá và SD, năm 1999 chuyển nhượng cho ông Trần Bê Nhỏ	10.558,8	26/04/2022	27/4/2021	17/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
07	Trần Văn Bình	Ấp Vĩnh Thanh	Năm 1973 ông Trần Văn Phú khai phá và SD, năm 1976 cải nhà ở, năm 1999 cho lại con ông Trần Văn Bình	3.829,2	6/2/2022	27/1/2021	16/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
08	Lê Văn Chiến	Ấp Vĩnh Thanh	Năm 1976 ông Lê Văn Út khai phá và SD, năm 2003 cho lại con Lê Văn Chiến	3.664,5	2/6/2022	24/3/2022	31/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
09	Lê Hồng Quân	Ấp Hòa Bình	Năm 1970 ông Lê Văn Bay khai phá, sử dụng, năm 1997 cho lại con Lê Hồng Quân	12.902,1	28/6/2022	1/6/2022	15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Bùi Thanh Tùng	Ấp Cây Bàng	Năm 1976 ông Bùi Văn Chỏi khai phá, SD, năm 1997 cho lại con Bùi Thanh Tùng, cải nhà ở năm 1998	968,4	22/9/2022	29/4/2022	24/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Bùi Thị Mai	Ấp Cây Bàng	Năm 1979 ông Nguyễn Thanh Tâm khai phá và SD, năm 2003 cho vợ Bùi Thị Mai	6.914,3	5/11/2021	15/5/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Nguyễn Quốc Lợi	Ấp Vĩnh Thanh	Năm 1978 ông Lê Văn Phát khai phá và SD, năm 1990 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ba sử dụng, năm 2003 cho lại con ông Nguyễn Quốc Lợi	10.242,9	20/9/2021	16/3/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Nguyễn Thị Loan	Ấp Vĩnh Thanh	Năm 1976 bà Lê Thị Huệ khai phá và SD, năm 1996 cho lại con Nguyễn Thị Loan	4.726,6	25/10/2021	22/9/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
14	Nguyễn Văn Viên	Ấp Lô 12 - VH	Năm 1970 ông Nguyễn Văn thuộc khai phá đến năm 1998 cho lại con ruột Nguyễn Văn viên	1.506,4	21/3/2022	5/11/2021	20/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

2. NĂM MINH THỤ AN

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc đất	Diện tích (m ²)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày tra KQ (giấy CNQSD)	Thiếu thu tục/Sai sót	Ghi chú
NĂM 2021									
01	Nguyễn Văn Nhơ	Ấp Minh Thượng	Năm 1992 ông Bùi Văn (anh được UBND huyện VT cấp SD, năm 1999 chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Văn Đa SD), năm 2000 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Nhơ SD đến nay	695,1	3/3/2021	29/12/2020	11/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Nguyễn Thị Chu	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Nguyễn Văn Việt được UBND huyện VT cấp SD, năm 2005 cho lại con Nguyễn Thị Chu	8.219,3	4/3/2021	19/1/2021	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Nguyễn Thanh Lập	Ấp Minh Thanh	Năm 1993 ông Lập được UBND huyện VT cấp	6.752,7	15/1/2021	1/9/2020	14/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Phạm Ngọc Vô	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Phạm Ngọc Vô được UBND huyện VT cấp	6.994,1	17/6/2021	24/2/2021	30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

05	Bùi Thị Biếu	Ấp Minh Dũng	Năm 1992 bà Lê Thị Mùi được UBND huyện VT cấp SD, năm 2005 cho lại con Bùi Thị Biếu.	7.025,1	14/5/2021	23/2/2021	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Phạm Thị Nga	Ấp Kênh Sâu	Năm 1999 bà Nga được UBND huyện VT cấp SD đến nay	7.638,0	8/6/2021	22/4/2021	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
07	Bùi Văn Hoàng	Ấp Minh Tiến	Năm 1980 ông Nguyễn Công Thành khai phá SD, năm 1990 chuyển nhượng cho ông Hoàng SD đến nay	1.086,2	25/6/2021	13/5/2021	30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
08	Trần Thị Thu Dân	Ấp Minh Dũng	Năm 1992 bà Lê Thị Hai được UBND huyện VT cấp SD, năm 2002 cho lại con Trần Thị Thu Dân	8.427,6	8/4/2021	8/11/2019	17/8/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
09	Lê Văn Quoi	Ấp Minh Tiến A	Năm 1992 ông Quoi được UBND huyện VT cấp SD đến nay	30.625,2	30/9/2020	16/7/2020	13/1/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Trần Văn Hoàng	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Hoàng được UBND huyện VT cấp SD đến nay	6.990,3	2/6/2021	2/3/2021	27/9/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Nguyễn Thị Nhan	Ấp Minh Thương B	Năm 1992 ông Huỳnh Ngọc Anh được UBND huyện VT cấp SD, năm 1995 chuyển nhượng cho ông Dương Văn Dê SD, năm 2001 chuyển nhượng cho bà Nhan SD	39.666,1	1/4/2021	19/1/2021	4/10/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Phạm Hồng Ba	Ấp Minh Tiến	Năm 1993 ông Đặng Văn Quý được UBND huyện VT cấp SD, 8/2001 chuyển nhượng lại cho ông Phạm Tư Thị SD, 2005 cho lại con Phạm Hồng Ba SD đến nay	20.035,2	1/3/2021	7/1/2021	30/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Nguyễn Thanh Trung	Ấp Minh thành	Năm 1993 bà Trần Thị Cúc được UBND huyện VT cấp SD, 2001 chuyển nhượng lại cho ông Trung SD đến nay	19.646,0	14/6/2021	19/5/2021	30/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
14	Đặng Văn Dũng	Ấp Minh Thành A	Năm 1987 ông Nguyễn Văn Bảy khai phá SD, năm 1999 chuyển nhượng lại cho ông Dũng SD đến nay	14.226,6	20/9/2021	23/3/2021	30/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
15	Lê Văn Lanh	Ấp Minh thành	Năm 1993 ông Lê Văn Thành được UBND huyện VT cấp SD, 2005 cho lại con Lê Văn Lanh SD đến nay	26.322,1	22/9/2021	19/5/2021	30/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
16	Trương Thị Mừng	Ấp Minh Dũng A	Năm 1992 bà Mừng được UBND huyện VT cấp SD đến nay	8.123,1	17/6/2021	5/5/2021	4/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
17	Huỳnh Út Em	Ấp Minh Dũng A	Năm 1992 ông Huỳnh Văn Kiêu được UBND huyện VT cấp SD 11/2002 chết để lại cho con Huỳnh Út Em SD đến nay	5.820,9	14/9/2021	31/5/2021	4/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
18	Phạm Văn Sứ	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Phạm Phúc Hậu được UBND huyện VT cấp SD, năm 1993 cho lại con Phạm Văn Sứ	7.386,9	29/6/2021	11/5/2021	4/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
19	Nguyễn Văn Hà	Ấp Minh Thương	Năm 1993 ông Huỳnh Văn Dũng được UBND huyện VT cấp SD, năm 2002 chuyển nhượng cho ông Hòa SD đến nay	8.560,4	16/11/2020	7/10/2020	27/1/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

20	Nguyễn Văn Huân	Áp Chông Mỹ	Năm 1992 ông Nguyễn Văn Hai được UBND huyện VT cấp SD, năm 2005 cho lại con Huân.	2.856,8	7/1/2021	4/8/2020	23/2/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
21	Nguyễn Văn Kịch	Áp Chông Mỹ	Năm 1992 ông Kịch được UBND huyện VT cấp	15.565,2	7/12/2020	6/1/2020	9/2/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
22	Danh Đồng	Áp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Nguyễn Văn Sơn được UBND huyện VT cấp SD, năm 2001 chuyển nhượng cho ông Đồng SD đến nay.	9.944,4	1/9/2020	24/8/2020	23/02/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
23	Trình Văn Long	Áp Minh Tân	Năm 1979 ông Nguyễn Văn Hậu được UBND huyện VT cấp SD, năm 1990 chuyển nhượng cho ông Long SD đến nay	2.760,2	27/4/2020	28/8/2018	14/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
24	Trần Thi Tiến	Áp Minh Kiên A	Năm 1993 ông Danh Diếp được UBND huyện VT cấp SD, năm 2005 chuyển nhượng cho bà Tiến SD đến nay.	38.616,1	29/12/2020	23/11/2020	5/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
25	Trần Văn Đạt	Áp Minh Dũng	Năm 1992 ông Đạt được UBND huyện VT cấp	6.948,6	5/11/2021	3/3/2021	13/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
26	Nguyễn Văn Dũng	Áp Minh Dũng	Năm 1992 ông Nguyễn Văn Trần được UBND huyện VT cấp SD, năm 2005 chuyển nhượng cho bà Tiến SD đến nay.	37.861,2	18/10/2021	30/9/2021	28/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
27	Trần Văn Dương	Áp Minh Thành	Năm 1978 ông Dương được UBND huyện VT cấp SD đến nay	377,4	28/10/2021	25/6/2021	21/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
28	Đường Văn Tiếng	Áp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Tiến được UBND huyện VT cấp	10.828,1	4/11/2021	21/4/2021	21/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
29	Phạm Thi Bê	Áp Minh Kiên	Năm 1992 bà Bê được UBND huyện VT cấp	41.492,9	13/10/2021	15/6/2021	21/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
30	Sơn Văn Nhỏ	Áp Minh Kiên	Năm 1992 ông Nhỏ được UBND huyện VT cấp	11.034,8	5/2/2021	17/7/2020	29/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
31	Lê Thị Lâm	Áp Minh Dũng A	Năm 1992 bà Lâm được UBND huyện VT cấp	5.079,8	10/5/2021	2/4/2021	22/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
32	Nguyễn Văn Tâm	Áp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Tâm được UBND huyện VT cấp	9.293,4	6/4/2021	26/1/2021	22/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
33	Thị Liên	Áp Minh Kiên	Năm 1992 bà Liên được UBND huyện VT cấp	10.714,5	8/4/2021	18/1/2021	3/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

34	Đặng Văn Tèo	Ấp Kênh sâu	Năm 1992 bà Lê Thị Thu Ba được UBND huyện VT cấp SD, năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Tèo SD đến nay	8.798,9	9/3/2021	26/4/2020	3/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
35	Danh Nhứt	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Nhứt được UBND huyện VT cấp	11.117,4	2/4/2021	2020	3/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng	
36	Nguyễn Văn Thắng	Ấp Minh Thương	Năm 1992 bà Bùi Thị Ánh được UBND huyện VT cấp SD, năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Thắng SD đến nay	8.021,8	27/4/2021	2021	30/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng	
37	Nguyễn Văn Muôn	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 bà Bùi Thị Ánh được UBND huyện VT cấp SD, năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Thắng SD đến nay	11.953,4	8/1/2021	22/11/2020	19/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
38	Trình Bàn Khai	Ấp Minh thành	Năm 1992 ông Nguyễn Viết Hồng được UBND huyện VT cấp SD, 11/1/1993 chuyển nhượng cho ông Khai SD đến nay	3.568,4	2/2/2021	21/10/2020	29/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
39	Nguyễn Thị Thắm	Ấp Minh thành	Năm 1993 ông Nguyễn Thị Liên được UBND huyện VT cấp SD, năm 2005 chuyển nhượng cho bà Thăng SD đến nay	24.301,0	22/9/2021	3/6/2021	13/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
40	Vân Thanh Trinh	Minh Kiên - MT	ngày 30/12/2002 UBND xã giao đất cho ông Vân Thanh Trinh sử dụng đến nay	60,9	10/12/2019		30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng, năm	
41	Hiếu Ngọc Dư	Minh Thương - MT	năm 1993 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho Nguyễn Văn Thuận và Huỳnh Ngọc Dư nay bà dư xin công nhận QSDĐ	8929,9	9/10/2020	19/2/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
42	Nguyễn Thị Hồ	Minh Tân A - MT	năm 1976 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho bà Đào Thị Như đến ngày 4/8/2001 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồ	385,3	30/9/2020	27/8/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
43	Nguyễn Văn Liêm	Minh Kiên A - MT	năm 1973 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho bà Phan Ngọc Nơn đến năm 1996 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Liêm	9911,6	26/10/2020	25/6/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
44	Hiếu Phước Lợi	Minh Tân A - MT	Năm 1979 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho à Đào Thị Như sử dụng đến ngày 25/4/1999 chuyển nhượng cho ông Hiếu Phước Lợi	455,7	30/9/2020	27/8/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
45	Tiến Văn Đức	Minh Tân A - MT	Năm 1979 ông Trần Văn Sum vào khai phá đến năm 1982 cho là ông Tiến Văn Đức	15326,3	3/12/2021	22/6/2021	26/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

NĂM 2022

01	Nguyễn Thị Quyên	Ấp Minh Thương A	Năm 1993 bà Nguyễn Thị Chi được UBND huyện VT cấp, sử dụng đến năm 11/2002 chuyển nhượng lại bà Nguyễn Thị Quyên	39.911,0	6/4/2022	22/2/2022	31/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
----	------------------	------------------	--	----------	----------	-----------	-----------	--	--

02	Thái Văn Ủi	Ấp Kênh Sâu	Năm 1990, ông Thái Văn Quang bao chiếm, SD cho lại con ông Thái Văn Ủi sử dụng, (có trong KL 122 của UBND huyện)	4.578,5	1/4/2021	23/7/2020	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Đỗ Chí Hữu	Ấp Minh Thành	Năm 1992 ông Nguyễn Văn Tân được UBND huyện VT cấp SD đến 8/2007 chuyển nhượng lại cho Đỗ Chí Hữu	8.248,2	23/6/2022	4/5/2022	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Nguyễn Văn Sết	Ấp Minh Dường	Năm 1992 ông Nguyễn Văn Sết được UBND huyện VT cấp	7.082,2	30/5/2022	24/2/2022	29/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
05	Trương Thị Dân	ấp Minh Thương	Năm 1993 ông Nguyễn Văn Gô được UBND huyện VT cấp sử dụng, năm 2003 chuyển nhượng lại cho bà Trương Thị Dân	7.142,5	1/3/2022	28/10/2021	28/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Nguyễn Văn Văn	Ấp Minh Kiên	Năm 1993 ông Võ Văn Cường được UBND huyện VT cấp SD đến 2/1997 chuyển nhượng ông Hồ Văn Thủ SD đến 12/1997 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Văn	6.764,8	26/5/2022	16/9/2020	27/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
07	Lê Văn Thuch	ấp Minh Thương	Năm 1995 ông Ngô Văn Sưa được UBND huyện VT cấp SD, tháng 2/2003 chuyển nhượng cho ông Lê Văn Thich	9.335,4	22/2/2022	18/01/2022	8/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
08	Nguyễn Thị Thủy	Ấp Minh thành	Năm 1992 ông Trần Văn Triều được UBND huyện VT cấp SD, năm 2002 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Thủy	7.458,7	16/2/2022	1/12/2021	8/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
09	Tăng Thị Biệt	ấp Minh Thương	Năm 1993 bà Tăng Thị Biệt được UBND huyện VT cấp SD đến nay	7.955,9	10/8/2022	10/5/2022	12/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Ngô Hồng Phien	ấp Minh Tiên A	Năm 1992 ông Ngô Hồng Phien được UBND huyện VT cấp SD đến nay	8.935,8	12/11/2021	12/10/2021	28/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Ngô Văn Tâm	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Ngô Văn Tâm được UBND huyện VT cấp SD đến nay	10.637,2	1/8/2022	22/2/2022	30/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Nguyễn Tân Sĩ	Ấp Minh Thanh A	Năm 1990, ông Nguyễn Tân Sĩ được UBND huyện VT cấp, 1/4/1995 được UBND huyện VT cấp lại (CCN QSD Đ)	19.464,7	22/6/2022	11/8/2022	16/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Trần Văn Dương	Ấp Minh Kiên	Năm 2001 ông Trần Văn Dương được UBND huyện VT cấp	2.526,8	29/8/2022	16/6/2022	1/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
14	Nguyễn Hoàng Nam	Ấp Minh Thanh	Năm 1979 ông Nguyễn Văn tư được UBND huyện VT cấp SD đến năm 2001 cho lại con ông Nguyễn Hoàng Nam	377,4	8/2/2022		7/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
15	Huỳnh thị Hào	Ấp Minh Thanh	Năm 1993 bà Huỳnh Thị Hào được UBND huyện VT cấp SD đến nay	7.131,4	19/5/2022	4/3/2022	28/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

16	Dương Văn Chuyên	Ấp Minh Cường	Năm 1979 ông Dương Văn Lũy được UBND huyện VT cấp SD, năm 1996 cho lại con Dương Văn Chuyên	7.807,7	24/6/2022	17/12/2021	29/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
17	Dương Văn Khoa	Ấp Minh thương B	Năm 1993 ông Đặng Văn Dung được UBND huyện VT cấp SD, năm 2004 chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn Khoa	8.816,9	21/9/2021	13/5/2021	5/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
18	Lê Văn Gìn	Ấp Minh Dũng	Năm 1992 ông Lê Văn Gìn được UBND huyện VT cấp	7.332,1	8/3/2021	4/1/2022	7/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
19	Bùi Văn Tèo Anh	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Bùi Văn Tèo Anh được UBND huyện VT cấp	11.717,0	8/2/2022	30/9/2021	22/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
20	Cao Thị Mầm	ấp Minh Tiến A	Năm 1992 ông Lê Văn Quốc được UBND huyện VT cấp, Cao thị Mầm (vợ)	30.625,2	23/6/2021		21/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bàn mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
21	Trương Quốc Ân	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Trương Quốc Ân được UBND huyện VT cấp	11.838,30	13/12/2021	27/9/2021	7/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
22	Nguyễn Thị Nguyệt	Ấp Minh Dũng A	Năm 1992 bà hồ Thị Hai được UBND huyện VT cấp SD, năm 1993 cho con Nguyễn thị Nguyệt	5.206,8	2/6/2022	3/12/2021	6/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
23	Bùi nghĩa vụ	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Bùi Văn Hòa được UBND huyện VT cấp SD, năm 1998 cho lại cho Bùi Nghĩa Vũ	10.280,0	6/6/2022	2/3/2022	6/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
24	Nguyễn Thanh Sơn	Ấp kênh sau	Năm 1987 ông Nguyễn Thanh Sơn bao chiếm SD, năm 2011 UBND huyện chấp thuận cho cấp giấy theo KL thành tra đất quỹ tại xã MT	4.48,8	22/4/2021	7/6/2020	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
25	Danh hòa	ấp Minh Tiến A	Năm 1990 ông Trần Văn Minh khai phá SD, năm 1995 chuyển nhượng họ ông Danh Hòa	5.294,7	8/10/2021	17/9/2021	4/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
26	Lâm Thị Duyên	Ấp Minh Thanh	Năm 1993 ông Ngao Quốc Hùng được UBND huyện VT cấp SD, 11/2002 chuyển nhượng cho Lâm Thị Duyên	8.400,6	16/11/2021	16/9/2021	4/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Không có biên bản kết thực nghiệm xét công khai	
27	Trương Văn Khương	Ấp Chông Mỹ	Năm 1993 ông Trương Văn Khương được UBND huyện VT cấp, SD đến nay	6.489,4	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
28	Nguyễn Văn Thuận	Ấp Chông Mỹ	Năm 1993 ông Nguyễn văn Thuận được UBND huyện VT cấp, SD đến nay	6.211,6	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
29	Vô Văn Nhim	Ấp Chông Mỹ	Năm 1993 ông Vô Văn Nhim được UBND huyện VT cấp, SD đến nay	6.976,8	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

30	Trần Văn Liệt	Ấp Chông Mỹ	Năm 1993 ông Trần Văn Liệt được UBND huyện VT cấp, SD đến nay	7.643,7	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
31	Lê Bá Sơn	ấp Minh Tiến	Năm 1992 ông Lê Bá Sơn được UBND huyện VT cấp, SD đến nay	9.467,4	14/12/2021	18/11/2021	12/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
32	Danh Buôi	ấp Minh Tiến	Năm 1992 ông Danh Buôi được UBND huyện VT cấp, SD đến nay	37.362,2	24/03/2022	28/12/2021	26/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
33	Phạm Ngọc Liên	ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Phạm Văn Thanh được UBND huyện VT cấp, SD, năm 1994 cho lại chỉ ruột Phạm Ngọc Liên	41.551,8	5/5/2022		29/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
34	Phan Trung Thu	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Bùi Văn Đồng được UBND huyện VT cấp SD, năm 2003 chuyển nhượng lại ông Phan Trung Thu	6.068,8	18/8/2022	13/7/2021	24/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
35	Đặng Phương Thông	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Nguyễn Phú Hùng được UBND huyện VT cấp, năm 1993 chuyển nhượng lại bà Nguyễn Thị Nga SD, năm 2/2003 chuyển nhượng lại cho ông Đặng Phương Thông	11.433,6	18/7/2022	28/4/2021	24/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
36	Huỳnh Thu Ba	Ấp Minh Thương	Năm 1995 ông Huỳnh Văn Thanh được UBND huyện VT cấp Sđ, 6/2/1997 chuyển nhượng cho Huỳnh Thị Thu	1.452,3	16/8/2022	25/3/2022	22/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
37	Thị Út Liên	ấp Minh Tiến A	Năm 1980 bà Lê Thị Kim I, ông khai phá SD, năm 1995 chuyển nhượng cho bà Thị út Liên	2.491,3	6/12/2021	22/6/2022	10/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
38	Huỳnh Thanh Phong	ấp Minh Tiến A	Năm 1992 ông Lâm Hoàng Minh được UBND huyện VT cấp SD, năm 2000 chuyển nhượng lại cho ông Dư Hồng Nhân Sđ, năm 2005 chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Thanh Phong	8.028,9	13/5/2022	11/1/2022	25/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
39	Huỳnh Văn Hiếu	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Huỳnh Văn Hiếu được UBND huyện VT cấp SD đến nay	10.725,5	21/4/2022	27/10/2022	20/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
40	Võ Văn Luân	Ấp Minh Cường A	Năm 1990 bà Võ Thị Lệ được UBND huyện VT cấp, SD năm 2001 chuyển nhượng cho ông Võ Văn luân SD đến nay (3.902,4m2 đất lúa); năm 1987 ông Võ Văn Khoa khai phá SD năm 2000 cho lại con ông Võ Văn Luân (1.762,4 m đất CL,N và 45m đất c)	3.902,4	4/4/2022	4/4/2022	10/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
41	Trương Thanh Minh	Ấp Minh Thương A	Năm 1993, ông Lê Văn Dân được UBND huyện VT cấp Sđ, 02/2005 chuyển nhượng lại cho ông Trương Thanh Minh	996,0	4/4/2022	3/3/2022	20/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
42	Phạm Kiều Hân	Ấp Chông Mỹ	Năm 1/1991 bà Phan Thanh Sư được UBND huyện VT cấp SD đến 27/7/1991 chết để lại cho con gái thừa kế là bà Phạm Kiều Hân	5.483,2	10/12/2021	2/6/2021	25/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
43	Huỳnh Thị Út Em	Ấp Minh Cường A	Năm 1960 ông Huỳnh Văn Nghĩa khai phá SD đến năm 9/2020 cho lại con Huỳnh Thị Út Em	10.999,0	13/8/2020	8/5/2020	20/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
44	Lê Văn Cư	Ấp Minh Dũng A	Năm 1992, ông Lê Văn Thịnh được UBND huyện VT cấp Sđ, 29/6/2004 chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn Cư	8.424,5	31/11/2021	24/6/2021	26/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

45	Phạm Thành Trung	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 ông Trần Minh Tân được UBND huyện VT cấp SD, 4/2003 chuyển nhượng lại cho Phạm Thành Trung SD đến nay	36.904,6	29/11/2021	2/7/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
46	Chung T. Ngọc Ân	Ấp Minh Tiến	Năm 1987 ông Nguyễn Văn Rường khai phá SD năm 1992 chuyển nhượng lại cho ông Chung Bá Hùng SD ổn định đến nay	6.821,9	7/10/2021	17/9/2021	4/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
47	Cao Ngọc Xết	Ấp Minh Kiên	Năm 1992 bà Lê Thị Mát được UBND huyện VT cấp SD đến 1/2002 chuyển nhượng cho ông Cao Ngọc Xết	41.451,3	10/11/2021	6/10/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
48	Đặng Thanh Nhan	ấp Minh Tiến A	Năm 1992 ông Đặng Văn Dũng được UBND huyện VT cấp SD năm 2011 bệnh chết để lại cho con thừa kế là ông Đặng Văn	41.116,2	19/5/2021	9/4/2019	11/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
49	Thị Hà	Minh Dũng A	Năm 1992 ông Phan Xuân Thăng được UBND huyện VT cấp SD 3/2001 chuyển nhượng cho bà Thị Hà	38.821,2	24/11/2021	22/10/2021	11/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
50	Trương Thị Nga	Ấp kênh Sầu	Năm 1992, bà Trương Thị Nga được UBND huyện VT cấp SD đến nay	7.463,4	17/12/2021	8/11/2021	21/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
51	Bùi Thị Kiều Tiên	Ấp Minh Kiên A	Năm 1992 ông Đặng Hoàng được UBND huyện VT cấp SD năm 2000 chuyển nhượng cho Bùi Thị Kiều Tiên SD đến nay	9.993,0	10/5/2022	15/3/2022	8/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
52	Dương Thị Thon	Ấp Minh Thương	Năm 1993 bà Dương Thị Thon được UBND huyện VT cấp SD đến nay	10.210,7	1/12/2021	24/4/2021	4/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

3. THANH YẾN A

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc đất	Diện tích (m2)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả KQ (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/ Sai sót	Ghi chú
NĂM 2021									
01	Phạm Hoàng Đưa	Ấp Xéo Lũng	Phạm Văn Gọn khai phá 1996 chuyển nhượng lại cho ông Đưa năm 1996 SD đến nay	1.487,7	11/6/2021	4/5/2021	4/10/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Lương Thị Thu Thủy	Ấp Xéo Lũng	Năm 1975 ông Lương Văn Niệm vào khai phá đến năm 1983 cho lại con ruột ông Lương Văn Tân đến tháng 2/2006 cho lại con ruột Lương Thị Thu Thủy	8368,8	25/6/2020	19/3/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
NĂM 2022									
01	Vô Văn Ghi	Ấp Hòa Ngọn	Năm 1980 ông Trần Văn Tinh khai phá phần đất này đến năm 1998 con ruột bà Trần Thị Tánh đến năm 2005 sang lại cho ông Vô Văn Ghi	3433,1	5/7/2021	24/3/2021	21/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Nguyễn Văn Chiến	Ấp Hòa Ngọn	Năm 1976 ông Nguyễn Văn Hùng vào khai phá sử dụng đến năm 1995 cho lại con rể là ông Phan Phú Hải đến năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Chiến sử dụng đến nay	5724,4	19/1/2022	29/10/2021	5/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Trần Minh Quang	Ấp Xéo Lũng A	Năm 1960 bà Lê Thị Lãng khai phá SD, năm 1982 cho lại con Trương Thị Tư SD, năm 1990 cho tặng lại con ông Quang SD đến nay	530,3	28/6/2022	19/01/2022	4/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

4. NÀ HÒA CHANH

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc đất	Diện tích (m ²)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả KQ (Gấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/ Sai sót	Ghi chú
NĂM 2021									
01	Lê Thị Giao	Vĩnh Hiệp	Năm 1976 ông Bùi Thanh Bình vào khai phá từ đến năm 1997 chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị Giao	2889,6	26/10/2020		23/02/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bản mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
02	Ngô Văn Mười	Vĩnh Hiệp	Năm 1976 ông Ngô Văn Mười vào khai phá từ đến nay	1582,7	28/8/2020	1/7/2020	5/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
03	Nguyễn Thị Ven	Dân Quآن	Khoảng năm 1976 ông Nguyễn Văn Thu vào khai phá từ đến năm 2005 cho lại con ruột là Nguyễn Thị Ven	7674,4	31/10/2019	7/10/2019	23/10/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
04	Từ Công Bền	Vĩnh Lập	năm 1976 ông Từ Văn Lu vào khai phá đến năm 1999 cho lại con ruột là ông Từ Công Bền	5172,7	4/9/2020	19/5/2020	9/2/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
05	Nguyễn Thị Rớt	Vĩnh Chánh	Năm 1976 ông Nguyễn Văn Tý vào khai phá đến năm 1983 cho lại con ruột là Nguyễn Văn Tích cùng con dâu là Nguyễn Thị Rớt	3452,1	14/9/2020	4/9/2020	27/01/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
06	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Vĩnh Hưng	Trước 1975 ông Huỳnh Van Nhuận vào khai phá đến năm 2002 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	6087,6	2/12/2020	21/9/2020	13/01/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
07	Huỳnh Thanh Hoàng	Vĩnh Lập	năm 1976 bà Lê Thị hương vào khai phá đến năm 2005 chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Thanh Hoàng, hiện nay trồng khóm	5871,2	2/12/2020		27/01/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bản mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
08	Nguyễn Văn Dề	Dân Quآن	năm 1976 ông Lê Văn Mạnh vào khai phá đến năm 1989 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Dề	10675,6	9/3/2021	25/01/2021	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
09	Đanh Tài	Vĩnh Lập	năm 1976 Bà Thị Chiến vào khai phá đến năm 1990 cho lại con ruột là bà Thị Được đến năm 2003 cho lại con ruột là ông Đanh Tài	3201,6	4/6/2021	15/3/2021	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
10	Trần Thanh Nhân	Vĩnh Hưng	năm 1976 ông Lê Văn Tương vào khai phá đến 29/10/2004 chuyển nhượng lại cho ông Trần Thanh Nhân	3045,1	21/10/2020	26/3/2020	27/01/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
11	Nguyễn Văn Hầy	Vĩnh Tân	Năm 1976 ông Hầy Vao Khai phá từ đến nay đến năm 2007 chuyển sang trồng lúa nay xin công nhận phần diện tích trên	3738,7	24/8/2020	2/6/2020	27/01/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
12	Lâm Văn Hưng	Dân Quآن	năm 1976 ông Nguyễn Văn Quốc vào khai phá đến năm 1987 chuyển nhượng lại cho ông Lâm Văn Gấm đến năm 2000 cho lại con ruột là ông Lâm Văn Hưng	7304,1	8/3/2021	25/01/2021	3/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	
13	Trần Văn Mạnh	Vĩnh Lập	năm 1976 ông Đanh Phiang vào khai phá đến năm 1989 chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Mạnh	2342,2	4/6/2021	3/3/2021	30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Đo đạc trước	

14	Lê Phi Cơ	Chống Mỹ	năm 1976 ông Lê Văn Ba vào khai phá đến năm 2005 cho lai con ruồi là ông Lê Phi Cơ	2942,3	25/5/2021	3/7/2020	33/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
15	Trần Thị Hoàng	Dân Quân	Năm 1976 ông Trần Văn Nhật vào khai phá đến năm 1989 cho lai con là Trần Thị Hoàng	3129,4	10/7/2020	1/10/2020	3/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
16	Nguyễn Văn Dầy	Vinh Tân	1976 ông Huỳnh Văn Trần vào khai phá năm 1998 cho lai con ruồi là bà Huỳnh Thị Xuyên và con rể là ông Nguyễn Văn Dầy hiện là đất là	1096,4	9/12/2020		21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bán mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
17	Nguyễn Hưng Anh	Vinh Hiệp	Bà Nguyễn Thị Thời khai phá trước năm 1975 đến năm 1995 cho lai con là ông Nguyễn Hưng Anh	860,7	11/12/2020	15/11/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
18	Giàng Thị Nhiều	Vinh Hưng	năm 1975 ông Phan Văn Thuận khai phá đến năm 1994 sang lai cho bà Giàng Thị Nhiều	2354,2	8/5/2021	5/1/2021	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
19	Nguyễn Quốc Việt	Vinh Lập	Ông Nguyễn Văn Dầy Khai Phá năm 1976 đến năm 1999 Cho Lai con ruồi là ông Nguyễn Quốc Việt	6996,6	6/10/2020	2/7/2020	29/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
20	Nguyễn Văn Dưa	Chống Mỹ	Được nhà nước cấp giấy năm 2003. Nay do đặc lai thừa điền tích 4.303,8	4.303,80	18/10/2021	26/02/2020	25/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
21	Trương Văn Tu	Vinh Hiệp	do ông Trương Văn Hai khai phá năm 1986 cho lai con ruồi ông Trương Văn Tu	4097,9	7/10/2021	3/6/2021	25/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
22	Trần Thị Văn	Vinh Lập	năm 1976 ông đánh phang khai phá đến năm 1989 chuyển nhượng cho ông Trần Văn Mạnh được UBND huyện Vinh thuận cấp giấy 15.000, năm 2005 cho lai con ruồi Trần Thị Văn và vợ đồng Thị kho. Năm 2021 do đặc thừa DT 2605,9 nay xin công nhận	2605,9	4/6/2021	3/3/2021	25/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
23	Phạm Văn Được	Vinh Hiệp	ông phạm văn hời và bà nguyên thi bap vào khai phá đến năm 1980 cho lai con là ông Phạm Văn Được	12438,8	18/3/2021	2/9/2020	4/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
24	Trương Văn Kiệt	Vinh Hiệp	khai phá năm 1977	9704,3	16/9/2020	1/9/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
25	Đặng Văn Cường	Dân Quân	Công nhân lai do quá trình làm giấy năm 2003 bị thất lạc trong quá trình làm hồ sơ cấp đòi lai của Vinh thuận bị thất lạc	12479,7	23/10/2020	15/5/2020	13/01/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
26	Lê Thị Hương	Vinh Hiệp	Thừa DT 5680, 1 trước 1975 do ông Lê Văn Mươn và bà Trần Thị Lien khai phá đến năm 1995 cho lai con ruồi ông Lê Văn Nhin năm 2005 ông Nhin cho lai con ruồi bà Lê Thị Hương, thừa DT 1946 trước 1975 do ông Lê Văn Mươn và bà Trần Thị Lien khai phá đến năm 1995 cho lai con ruồi bà Lê Thị Hương	5874,7	2/3/2021	26/11/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
27	Lê Văn Nhin	Vinh Hiệp	Trước 1975 do ông Lê Văn Mươn và bà Trần Thị Lien khai phá đến năm 1995 cho lai con ruồi ông Lê Văn Nhin	23486,2	2/3/2021	26/11/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

28	Nguyễn Thị Ánh Hằng	Vinh Lập	Năm 1976 bà Nguyễn Ngọc Hương vào khai phá đến năm 2003 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Ánh Hằng sử dụng đến nay	24983,3	28/2/2020		2/7/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Bàn mô tả tranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
29	Nguyễn Thị Ánh Hằng	Vinh Lập	năm 1976 ông Châu Văn Thà vào khai phá đến năm 1998 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Thắng đến năm 2005 cho lại con ruột nguyên Thị Ánh Hằng	5555,9	28/9/2020	4/9/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
30	Huyền Long Ân	Dân Quân	Năm 1976 ông Lê Văn trường vào khai phá đến năm 1995 chuyển nhượng lại cho ông Huyền Long ân	7144,5	1/12/2020	3/3/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
31	Dương Thanh Vũ	Vinh Hiệp	năm 1976 ông Dương Quốc Bui khai phá đến năm 1990 cho lại con là ông Dương Thế khai và con ruột nguyên Thị the Năm 1998 ông khai chết để lại cho bà The sử dụng đến năm 2005 cho lại ông Dương Thanh Vũ	1514,4	21/9/2021	26/4/2021	23/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

NĂM 2022

01	Trương Thị Lip	Vinh Trung	Năm 1976 bà Trương Thị Mên vào khai phá đến năm 1989 chuyển nhượng lại cho ông Trương Hoàng Sanh, ông Sanh sử dụng đến năm 1996 cho lại con ruột là ông Trương Phi Lip	9.989,90	17/1/2021	15/7/2020	16/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Nguyễn Thị Tư	Vinh Chánh	Trước năm 1975 do ông Lê Văn Ngộ khai phá đến năm 1980 chuyển nhượng cho ông Lê Văn Sang, đến năm 1987 chuyển nhượng lại cho ông Phạm Văn Tiểng (chết năm 2021) và bà Nguyễn Thị Tư, nay bà Tư xin công nhận	4335,9	14/01/2022	5/1/2022	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Nguyễn Thị Tho	Vinh Trung	năm 1976 ông Nguyễn Văn Chi vào khai phá đến năm 1978 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Ty, đến năm 1980 ông Ty chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Lan và Nguyễn Thị Tho, năm 1992 ông Lan chết, nay bà Thị Xin công nhận	3811,4	23/5/2022	3/2/2021	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Trần Thị Hương	Vinh Chánh	Trước 1975 ông Trần Văn Đen khai phá, đến năm 1994 chuyển nhượng lại cho ông Ngộ Văn Thanh đến năm 1998 ông thanh mất để lại cho vợ là bà Trần Thị Hương. Nay xin công nhận	6684,3	24/5/2022	27/10/2021	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
05	Giảng Thị Lan	Vinh Trung	năm 1976 ông Nguyễn Văn Hoa vào khai phá đến năm 1982 cải nhà ở vợ và bà Giảng Thị Lan Đến năm 2017 ông Hoa chết, nay bà Lan xin công nhận quyền sử dụng đất	532,3	24/5/2022	18/3/2022	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Nguyễn Thị xuân	Dân Quân	năm 1976 bà Nguyễn Thị Kỳ vào khai phá đến năm 1989 cho lại con ruột ông Lê Văn Đạt và cháu là Nguyễn Thị Xuân, năm 2009 ông Đạt chết, nay bà xuân xin công nhận QSDĐ	2921,5	24/5/2022	1/4/2022	21/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
07	Nguyễn Văn Dũng	Dân Quân	Năm 1976 ông nguyên Viết Thông vào khai phá đến năm 2000 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Nhin đến năm 2005 ông Nhin chuyển nhượng lại cho ông nguyên Văn Dũng	4526,3	24/5/2022	1/4/2022	14/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
08	Lê Văn thắng	Dân Quân	Năm 1976 ông Lê Văn Tập vào khai phá đến năm 1998 chuyển nhượng lại cho ông phạm văn chiến đến năm 2000 ông chiến chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn Thắng	10642,6	24/5/2022	1/4/2022	14/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
09	Ngô Thị Yến	Vinh Hương	Năm 1976 ông Ngô Văn Bui vào khai phá đến năm 2000 cho lại con ruột là Ngô Thị Yến	489,5	16/7/2019	4/12/2018	16/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Trương Văn Xuyên	Vinh Hương	thừa đất số 01 Ông Trương Văn Thắng khai phá sử dụng đến năm 2000 chuyển nhượng lại cho ông Trương Văn xuyên sử dụng, thừa đất số 02 do ông Trương văn quảng khai phá sử dụng đến năm 1982 cho lại con ruột là ông trương Văn Xuyên	12021,9	10/6/2021	22/2/2021	17/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tài khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

11	Giang Thị Nhiều	Vĩnh Hưng	trước năm 1975 bà nguyên Thị Đậu khai phá đến năm 1986 cho lại con ruột là Lê Văn nông, đến năm 1990 ông nông chuyển nhượng lại cho bà Giang Thị Nhiều	6081,7	22/10/2021	28/5/2021	26/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Trần Văn Xuyên	Vĩnh Tân	Trước 1975 ông nguyên Văn Vĩnh và bà Trần Thị Chay khai phá, đến năm 1990 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Đen, đến năm 2003 chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Xuyên	12626,6	4/10/2021	31/5/2021	10/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Võ Hoàng Thu	Dân Quân	ông nguyên Văn Quảng khai phá đến năm 1988 chuyển nhượng lại cho ông Phan quốc nghiệp, đến năm 2000 ông nghiệp chuyển nhượng lại cho ông Võ Hoàng Thu	8845,4	8/7/2021	29/9/2021	29/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
14	Trình thi Xinh	Vĩnh Lập	Năm 1976 ông Trình Văn Sốt vào khai phá đến năm 1985 cho lại con ruột là Trình Thị Xinh	2254,1	21/7/2022	20/4/2022	25/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
15	Trương Thị Bảy	Vĩnh Tân	năm 1976 bà Dương Thị Lý vào khai phá đến năm 1986 ch lại con ruột là Trương Thị Bảy	3422	5/8/2022	17/6/2022	15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
16	Nguyễn Văn Dân	Vĩnh Lập	năm 1976 ông Lê Văn Nam và Phạm Văn Hai vào khai phá sử dụng đến năm 2004 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Dân	18824,2	20/4/2021	5/2/2021	15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
17	Nguyễn Văn Sơn	Vĩnh Tân	Năm 1976 ông nguyên Văn Hà vào khai phá đến năm 1987 cho lại con ruột là Nguyễn Văn Sơn	3234,4	5/8/2022	17/6/2022	16/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
18	Phạm Hoàng Sơn	Vĩnh Hiệp	Năm 1976 ông Phạm Văn Kỳ và bà nguyên Thị Ánh vào khai phá đến năm 1995 ông kỳ mất để lại cho vợ là bà Ánh, đến năm 2005 thì cho lại con ruột là ông Phạm Hoàng Sơn	16898,5	1/10/2021	5/1/2021	26/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
19	Nguyễn Văn tuấn	Vĩnh Hiệp	1976 ông nguyên Văn Tiến vào khai phá đến năm 1982 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Nhon, đến năm 1989 ông Nhon chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn An, đến năm 2002 ông An cho lại con ruột là Bùi Thị Hoàng	1438	31/5/2021	16/12/2020	19/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
20	Nguyễn Văn Lợi	Vĩnh Hưng	Năm 1976 ông Nguyễn Văn Phương vào khai phá đến năm 1989 chuyển nhượng lại cho ông nguyên Văn Lợi	8888,4	28/3/2022	19/6/2021	14/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
21	Hiếu Thị Ngọc	Vĩnh Lập	năm 1976 ông Nguyễn Văn Hồi vào khai phá đến năm 1975 chuyển nhượng lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc	7452,6	14/01/2022	30/12/2021	21/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
22	Nguyễn Văn Tâm	Vĩnh Chanh	ông Lê Văn Ba khai phá trước 1975 đến năm 1980 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Tâm	8395,1	22/3/2022	21/2/2022	21/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
23	Lê Thị Tâm	Vĩnh Tân	Năm 1976 ông Đặng Văn Giáp vào khai phá đến năm 1989 cho lại con ruột là Đặng Văn Hiếu và dân lệ Thị tâm đến năm 2017 ông hiếu chết nay bà Tâm xin công nhận QSIDD	4405,7	8/7/2022	26/01/2021	24/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
24	Lương Thanh Phong	Vĩnh Hiệp	Năm 1976 bà Nguyễn Thị Cấn vào khai phá đến năm 1985 cho lại con ruột ông dương Văn Phương, đến năm 1994 ông Phương sang lại cho ông Lương Thanh Phong	4259,7	17/5/2022	28/12/2021	29/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
25	Phan Bình Phương	Vĩnh Trung	Năm 1976 bà Nguyễn Thị Tư vào khai phá đến năm 1989 chuyển nhượng cho ông Phan bình Phương sử dụng	3089,8	10/11/2022	27/7/2022	15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

26	Võ Thị Hòa	Vinh Hiệp	Khoảng năm 1976 ông Phạm Văn Ủi vào khai phá đến năm 1994 chuyển nhượng cho ông hoàng Bá Đức, năm 1996 chuyển nhượng lại cho bà Võ Thị Hòa	192,9	6/10/2022	1/7/2022	1/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
27	Phan Thị Khương	Vinh Lập	năm 1976 ông Dương Văn Phát vào khai sử dụng đến năm 1990 cho lại con ruột là Dương Quốc thẳng cùng con dâu là Phan thị Khương đến năm 2021 ông thẳng chết, nay bà Khương xin công nhận QSDĐ	13027,3	1/11/2021	13/10/2021	21/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
28	Nguyễn Phương Tung	Vinh Tân	Năm 1976 ông Nguyễn Văn Bô vào khai phá đến năm 1980 cho lại con ruột Nguyễn Ngọc Thủy đến năm 2000 cho lại con ruột Nguyễn Phương tung	6859,8	14/7/2022	16/4/2022	24/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
29	Võ Quốc Việt	Dân Quân	Năm 1976 bà Thị Bầy vào khai phá đến năm 2000 thì cho lại con ruột là ông Võ Quốc việt	15042,4	20/10/2021	18/10/2020	25/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
30	Võ Văn Quang	Vinh Hiệp	Năm 1976 bà Hồ Thị Anh vào khai phá sử dụng đến năm 2004 cho lại con ruột là Võ Văn Quang sử dụng cho đến nay	9.292,20	2/8/2022	6/6/2022	26/12/2022, 15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
31	Huỳnh Văn Nuôi	Vinh Hưng	Trước năm 1975 do ông Huỳnh Văn Kiến khai phá đến năm 1990 cho lại con ruột là ông Huỳnh Thanh Phong, đến năm 2005 cho lại con ruột là ông Huỳnh Văn Nuôi	7840,7	28/9/2022	4/12/2020	16/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
32	Khoa Thị Thiệp	Vinh Trung	Năm 1976 ông Nguyễn Văn chung vào khai phá đến năm 1980 cho lại con ruột Nguyễn Văn Hai, năm 1985 cho lại con ruột Nguyễn Văn tại và dâu Khoa Thị Thiệp	1813,8	23/6/2022	18/3/2022	15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

5. XÃ AN MINH BẠC

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc	Diện tích (m2)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày tra (Giấy CN/QSD)	Thiếu thủ tục/ Sai sót	Ghi chú
NĂM 2021									
01	Danh Bình Phong	An Hòa	Năm 1993 nhà nước cấp cho ông Danh Ni đến năm 2008 cho lại con ruột là ông Danh Bình Phong	9584,1	8/1/2021	15/5/2019	23/02/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Huỳnh Minh Thanh	Áp Kumi Nâm	Năm 1993 nhà nước cấp Cho ông huỳnh Minh Thanh	8912,8	11/1/2021		21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
03	Danh Suối	Trung Đoàn	Năm 1993 nhà nước cấp cho ông Danh suối	9493	9/12/2020	30/7/2020	31/12/2020	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Lê Anh Nguyệt	An Thới	Năm 1993 NN cấp cho Lê Anh Nguyệt sử dụng đến nay	39956,4	5/3/2021	17/12/2020	29/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
05	Trần Thị Dân	Trung Đoàn	Năm 1992 NN cấp cho ông Trần Ngọc Được và bà Trần Thị Dân sử dụng đến nay (năm 2017 ông Được chết)	8.489,4	23/6/2021	11/12/2020	17/8/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Phạm Ngọc Thanh	An Thành	Năm 1993 NN cấp cho ông Phạm Ngọc Thanh sử dụng đến nay	9.622,5	30/5/2020	4/6/2020	27/1/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	

07	Đặng Văn Minh	An Thanh	Năm 1993 NN cấp cho ông Nguyễn Văn Thông, năm 1999 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Minh sử dụng đến nay.	9.920	5/3/2021	18/9/2020	22/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
08	Nguyễn Thị Diệp	An Hưng	Năm 1993 NN cấp cho bà Nguyễn Thị Diệp sử dụng đến nay.	8.871,3	1/7/2021	26/5/2021	27/9/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
09	Vô Văn Rông Lê Thị Thu	An Thanh	Năm 1992 NN cấp cho ông Nguyễn Văn Rông và bà Lê Thị Thu sử dụng đến nay.	10.893,6	3/6/2021	26/5/2021	17/8/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Ta Văn Nor	An Hưng	Ông Ta Văn Nor quản lý sử dụng trước năm 1993, đến năm 1993 cấp lại cho ông Bùi Hồng Hải, đến năm 2003 chuyển nhượng lại cho ông Ta Văn Nor sử dụng đến nay.	10.249,2	20/5/2021	1/2/2021	17/8/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Trần Thị Nhiên	Minh Hưng	Năm 1992 NN cấp cho ông Trần Thủy Thiên, đến năm 2007 cho lại con là Trần Thị Nhiên sử dụng đến nay.	9.231,8	17/5/2021	25/3/2021	27/9/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Vô Văn Đồ	An Thanh	Năm 1993 NN cấp cho ông Vô Văn Đồ sử dụng đến nay.	11.142,8	29/7/2021	23/6/2021	28/10/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Danh Sơn	Trung Đoàn	Năm 1992 NN cấp cho ông Danh Sơn sử dụng đến nay.	8.589,6	10/5/2021	6/5/2021	27/9/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
14	Đặng Văn Uí	Minh Thoaí	Năm 1993 NN cấp cho ông Nguyễn Minh Phước, đến 12/1993 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Uí sử dụng đến nay.	40.104,9	31/5/2021	8/4/2020	30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
15	Phạm Dũng Tiến	An Thanh	Năm 1993 NN cấp cho ông Phạm Dũng Tiến sử dụng đến nay.	11.000,7	12/7/2021	26/5/2021	4/10/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
16	Đặng Văn Bay	Kinh Năm	Năm 1993 NN cấp cho ông Đặng Văn Bay sử dụng đến nay.	8.786,7	17/12/2020	15/9/2020	30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
17	Phan Thị Lành	Trung Đoàn	Năm 1992 NN cấp cho bà Phan Thị Mx, đến năm 1999 chuyển nhượng lại cho bà Phan Thị Lành sử dụng đến nay.	9.031,3	12/5/2021	11/5/2021	30/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
18	Phạm Văn Kiệp	Minh Hưng	Năm 1993 NN cấp cho ông Trần Văn Phước, đến năm 2004 chuyển nhượng lại cho ông Phạm Văn Kiệp sử dụng đến nay.	37.808,5	24/6/2021	14/4/2020	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
19	Châu Thị Năm	An Thanh	Năm 1993 NN cấp cho ông Hồ Văn Lũ, đến năm 1999 chuyển nhượng cho ông Lx Văn Trà, đến năm 2000 chuyển nhượng lại cho bà Châu Thị Năm sử dụng đến nay.	10.995,9	27/8/2020	4/8/2020	13/1/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
20	Vô Thanh Phương	An Thanh	chuyển nhượng từ ông Nguyễn Trần Hợp năm 2006	107,1	19/11/2020	19/10/2020	13/1/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
21	Đoàn Hòa Trĩ	An Hòa	chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hồng Yên năm 2007 sử dụng đến nay	7.682,1	27/10/2020	22/10/2020	5/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

NĂM 2022

01	Châu Văn Nghìn	Trung Đoàn	Năm 1993 nhà nước cấp cho ông Nguyễn Văn Sơn đến tháng 9/2000 chuyển nhượng lại cho ông Châu Văn Nghìn	9056,8	6/9/2022	10/2/2022	29/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Đoàn Văn mười	Công Sư	Năm 1982 nhà nước cấp cho ông Đoàn Văn Mười sử dụng đến nay	3154,4	28/6/2022	28/6/2022	19/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Trình Văn Long	Àp Công Sư	năm 1993 nhà nước cấp cho ông Phan Thanh Phước, năm 2002 chuyển nhượng cho ông Trình Văn Long	3922,1	16/4/2021	18/5/2021	21/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Huyỉnh Thị Mầu	Àp An Hòa	Năm 1993 cấp cho ông Bùi Văn Phi sử dụng đến năm 2007 ông Phi chuyển nhượng lại cho Huyỉnh Thị Mầu	9.525,30	2/1/2021	22/5/2019	27/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước - Không có biên bản công khai tại xã	
05	Vũ Văn Giao	Minh Hưng	Chuyển nhượng	8.795,4	12/7/2022	9/6/2022	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Huyỉnh Thanh Sơn	Minh Trung	Chuyển nhượng	8.620,8	3/6/2022	27/5/2022	4/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
07	Xa Thị Diễm	Minh Hưng	Chuyển nhượng	9.048,3	24/6/2022	16/12/2020	25/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
08	Nguyễn Thị Tao	An Hoà	NN Cấp 1993	10.321,3	28/1/2022	15/9/2022	28/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
09	Phạm Văn Lộc	Kinh Năm	NN Cấp 1993	7.700,5	22/12/2021	27/10/2021	26/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Phạm Văn Đo	Trung Đoàn	NN Cấp 1993	9.315,9	28/10/2022	9/6/2022	24/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Huyỉnh Minh Dân	Kinh Năm	NN Cấp 1993 cho ông Trần Văn Nhân và bà Lâm Thị Hien, chuyển nhượng lại	7.872	10/4/2022	11/8/2022	16/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
12	Huyỉnh Thị Như	Kinh Năm	NN Cấp 1993	8.765,5	4/10/2022	11/8/2022	16/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Lê Văn Rang	An Thanh	NN Cấp 1992	11.049,9	29/11/2022	11/8/2022	4/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
14	Nguyễn Hữu Nghĩa	An Hưng	NN Cấp 1993 cho ông Đào Văn Lộc, chuyển nhượng lại	26.556	16/8/2022	5/7/2022	16/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

15	Phạm Văn Cuộc	An Hoà	NN Cấp 1992	9.482,8	26/10/2022	1/10/2022	24/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
16	Danh Dân	Kinh Nam	Năm 1993 NN cấp cho ông Trần Văn Sĩ chưa cấp giấy CNOSDD, năm 2001 chuyển nhượng lại cho ông Danh Dân sử dụng đến nay.	27.241	4/5/2022	23/3/2022	7/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
17	Đỗ Thanh Hoà	Minh Hưng	Trước 1993 NN cấp cho ông Huỳnh Minh Chiến chưa cấp giấy CNOSDD, năm 2003 chuyển nhượng lại cho ông Dương Hoàng Anh và bà Nguyễn Thị Ngân, đến năm 2007 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thanh Hòa sử dụng đến nay.	7.867,9	12/7/2022	9/6/2022	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
18	Danh Quân	Trung Đoàn	Nhà nước cấp 1993	9.504,8	19/01/2022	6/12/2021	12/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
19	Đặng Văn Bè Lớn	Kinh Nam	Nhà nước cấp 1993	7.957,5	27/12/2021	8/6/2021	27/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
20	Nguyễn Thị Tre Em	An Hoà	Năm 1993 NN cấp cho ông Lê Văn Tiến, năm 1999 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Tre Em sử dụng đến nay.	7.989,8	25/5/2022	4/1/2022	6/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
21	Nguyễn Văn Lương	Minh Hưng	Năm 1993 NN cấp cho ông Nguyễn Văn Tâm, chưa có giấy CN QSDH, đến năm 1995 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Lương sử dụng đến nay.	1.898,7	28/6/2022	26/5/2022	31/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
22	Trần Li Anh	An Hoà	Năm 1993 NN cấp cho ông Trần Li Anh, chưa có giấy CN QSDH sử dụng đến nay.	9.016,3	20/6/2022	29/4/2022	4/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
23	Ngô Thi Sau	Minh Hưng	Năm 1993 NN cấp cho ông Nguyễn Văn Hưng, năm 2002 chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Vân, năm 2007 chuyển nhượng cho bà Ngô Thi sau sử dụng đến nay.	36.804,7	6/6/2022	30/5/2022	31/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
24	Lý Tuyết Anh	An Hoà	Năm 1993 NN cấp cho bà Nguyễn Thị Mai, năm 2004 chuyển nhượng cho bà Lý Tuyết Anh sử dụng đến nay.	9.860,8	9/5/2022		17/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Bàn mủi ra ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
25	Xã Trương Đàm	Minh Hưng	Năm 1993 NN cấp cho bà Phan Thị Mai, năm 2002 chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Ngọc, đến năm 2004 chuyển nhượng cho ông Xã Trương Đàm sử dụng đến nay.	9.088	17/5/2022	24/12/2021	17/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
26	Mai Văn Chung	An Hoà	Năm 1993 NN cấp cho ông Mai Văn Chung sử dụng đến nay.	8.078	15/12/2021	23/6/2021	11/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
27	Trần Tấn Đức	An Hoà	Năm 1993 NN cấp cho bà Nguyễn Văn (t.ư. năm 1999 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Linh, đến năm 2005 cho con là ông Trần Tấn Đức sử dụng đến nay.	10.164,3	18/4/2022	11/2/2022	25/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

6. XÃ THÀNH YẾN

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc	Diện tích (m ²)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày tra (Giấy CNOSDD)	Thiếu thủ tục/ Sai sót	Ghi chú
NAM 2021									

01	Nguyễn Thị Sư	Cán Ngón A	chuyển nhượng	8.916,8	31/12/2020	13/10/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
02	Nguyễn Thị Lâm	Xẻo Kề A	Mé tăng con	8.277,4	12/11/2020	23/10/2020	21/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Vô Thị Nhung	Đàng Văn Do	chuyển nhượng	4.086	09/11/2020	23/10/2020	14/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
04	Đỗ Thị Sơn	Đàng Văn Do	Nhà nước cấp 1978	4.215	09/11/2020	23/10/2020	14/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
05	Danh Dơn	Cán Vam	Khai phá năm 1976	1.065,30	05/02/2021	27/01/2021	20/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Lý Văn Chiến	Xẻo Kề A	Khai phá năm 1978	3.200,70	27/01/2020	22/11/2019	29/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
07	Thiều Văn Biên	Cán Vam	Chia tăng con	14.201,80	27/10/2020		03/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Ban mô tả ranh giới, mốc giới không ghi ngày, tháng, năm	
08	Lê Thị Ỗ	Xẻo Kề A	Khai phá năm 1978	2.140,90	06/12/2016	21/3/2017	22/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
09	Đàng Văn Anh	Bạt Dừa	Chia tăng con	1.414,90	16/12/2021	25/10/2021	04/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Danh Sot	Cán Ngón	Chuyển nhượng	10.358,90	10/01/2022	23/4/2021	16/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Phạm Thị Dàng	Cán Ngón	Chuyển nhượng	3.924,50	07/01/2022	14/4/2021	16/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Trần Văn Hoàng	Xẻo Kề A	Chia tăng con	6.363,20	28/01/2021	20/01/2021	03/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Lê Ngọc Ba	Cán Vam	Chia tăng con	14.201,80	20/10/2020	01/7/2020	03/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
NAM 2022									
01	Nguyễn Văn Kiệt	Cán Ngón A		1.454,3	16/5/2017	20/12/2016	15/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

02	Đặng Hồng Thắm	Cần Ngọn	Cho tặng	1.631,1	29/11/2022	05/9/2022	28/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
03	Châu Hòa Anh	Đặng Văn Do	Chuyển nhượng	1.284,7	06/10/2022	08/8/2022	26/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
04	Nguyễn Ngọc Lan	Cần Ngọn A	Chuyển nhượng	2.409,5	20/10/2021	30/9/2021	01/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
05	Thị Bé	Cần Vam	Cho tặng	3.543,4	02/11/2022	22/8/2022	15/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
06	Nguyễn Thị Tuyết	Xẻo Ké A	Cho tặng	275,1	13/5/2022	26/7/2022	22/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
07	Nguyễn Thị Bạch	Xẻo Ké A	Cho tặng	4.074,8	12/5/2022	26/7/2022	22/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất	
08	Danh Lư	Cần Vam A	Cho tặng	1.644,2	19/7/2022	14/4/2022	04/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
09	Đỗ Thị Lâm Lát	Cần Ngọn A	Chuyển nhượng	66,7	15/11/2021	05/10/2021	04/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
10	Trương Ngọc Dung	Đặng Văn Do	Nhà nước cấp 1978	1.951,5	28/02/2022	19/01/2022	08/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
11	Tô Tấn Hải	Cần Ngọn A	Chuyển nhượng	62,3	24/5/2022	18/4/2022	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
12	Trình Văn Hải	Bư Dục	Cho tặng	1.162,4	24/02/2022	02/12/2021	27/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
13	Trần Minh Phong	Xẻo Ké A	Cho tặng	3.014,2	20/5/2022	11/01/2022	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
14	Nguyễn Thị Lụa	Cần Vam	chuyển nhượng	7.093,7	01/4/2022	8/7/2021	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
15	Trương Thanh Long	Cần Vam	chuyển nhượng	168,9	16/6/2022	4/3/2022	16/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	
16	Lê Văn Tinh	Cần Ngọn	Cho tặng con	20.140,8	15/8/2022	12/7/2022	21/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trước	

17	Lương Văn Út	Bờ Dừa	Khai phá 1965	9.380,1	02/6/2021	25/5/2021	04/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trược	
18	Phạm Thị Hoàng	Cạn Ngọn	chuyển nhượng	3.924,2	07/01/2022	06/5/2021	25/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Không công khai tại khu dân cư nơi có đất - Do đặc trược	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ SƠ SAI TRÌNH TỰ, THỦ TỤC
(Kèm Kết luận thanh tra số 02 /KL-UBND, ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện U Minh Thượng)

Phụ lục 02

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc đất	Diện tích (m2)	Thủ tục thiếu	Ghi chú
01	Danh Suối	Trung đoàn - AMB	Năm 1993 nhà nước cấp cho ông Danh suối	9493	ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy	
02	Nguyễn Thị Ánh Hằng	Vĩnh Lập - HC	Năm 1976 ông Châu Văn Thà vào khai phá đến năm 1998 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Thàng đến năm 2005 cho lại con ruột nguyên Thị Ánh hằng	5555.9	ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy	
03	Huỳnh Long Ân	Dân Quân - HC	Năm 1976 ông Lê Văn trường vào khai phá đến năm 1995 chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Long ân	7144.5	ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy	
04	Nguyễn Thị Hò	Minh Tân A - MT	Năm 1976 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho bà Đào Thị Như đến ngày 4/8/2001 chuyển nhượng cho bà nguyên Thị Hò	385.3	ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy	
05	Nguyễn Văn Liêm	Minh Kiên A - MT	Năm 1973 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho bà Phan Ngọc Nối đến năm 1996 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Liêm	9911.6	ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy	
06	Huỳnh Phước Lợi	Minh Tân A - MT	Năm 1979 UBND huyện Vĩnh Thuận cấp cho ả Đào Thị Như sử dụng đến ngày 25/4/1999 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Phước lợi	455.7	ngày, tháng, năm ghi trên tờ trình sau ngày cấp giấy	

DANH SÁCH HỒ SƠ TRỄ HẸN ĐỔI VỚI HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LẦN ĐẦU

(Kèm Kết luận thanh tra số 02 /KL-UBND, ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

Phụ lục 03

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày do đặc hiện trạng	Ngày trả KQ (Giấy CNQSD)	Thời gian trễ hện (tháng)	Ghi chú
-----	-----------	------------------	----------------	-----------------	------------------------	--------------------------	---------------------------	---------

1. XÃ VINH HÒA

NĂM 2021								
01	Trần Văn Nhóc	Ấp Lô 12	14.152,3	4/2/2020	31/5/2019	5/3/2021	11	Chi nhánh VPPDK
02	Phạm Văn Quý	Ấp Lô 12	10.818,6	21/01/2021	1/10/2020	3/6/2021	2	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế
03	Trần Văn Chính	Ấp Cây Bàng	1.422,9	20/7/2021	19/4/2011	28/12/2021	2,5	Chi nhánh VPPDK
04	Trần Văn Thương	Ấp Vĩnh Thành	5.652,9	27/4/2021	15/3/2021	27/9/2021	3	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế, UBND xã
05	Phạm Văn Huệ	Ấp Lô 12	12.439,9	23/11/2021	năm 2020	19/3/2021	1,5	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế, UBND xã
06	Nguyễn Văn Em	Ấp Vĩnh Thành	5.990,7	22/9/2020	19/3/2019	29/3/2021	5	Chi nhánh VPPDK, UBND xã
07	Nguyễn Văn Thông	Ấp Vĩnh Thành	9.451,6	21/10/2020	năm 2020	5/3/2021	2,5	Chi nhánh VPPDK

NĂM 2022

01	Lý Văn Hải	Ấp Cây Bàng	25.337,1	3/11/2021	27/4/2021	12/4/2022	2	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
02	Huyền Văn Nhi	Ấp Cây Bàng	3.884,5	30/6/2021	19/4/2021	10/5/2022	7	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
03	Nguyễn Văn Hồng	Ấp Cây Bàng	718,5	23/10/2019	10/9/2019	11/1/2022	24	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
04	Trần Văn Bình	Ấp Vĩnh Thành	3.829,2	6/2/2022	27/1/2021	16/6/2022	1,5	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
05	Lê Hồng Quân	Ấp Hoà Bình	12.902,1	28/6/2022	1/6/2022	15/12/2022	3	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
06	Nguyễn Quốc Lợi	Ấp Vĩnh Thành	10.242,9	20/9/2021	16/3/2021	10/1/2022	1	Chi nhánh VPPDK
07	Nguyễn Văn Viên	Ấp Lô 12	1.506,4	21/3/2022	5/11/2021	20/5/2022	3	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ

2. XÃ MINH THIỆN

NĂM 2021								
01	Nguyễn Thành Lập	Ấp Minh Thành	6.752,7	15/1/2021	1/9/2020	14/4/2021	1	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế
02	Trần Thị Thu Dân	Ấp Minh Dũng	8.427,6	8/4/2021	8/11/2019	17/8/2021	2	Chi nhánh VPPDK
03	Lê Văn Quoi	Ấp Minh Tiến A	30.625,2	30/9/2020	16/7/2020	13/1/2021	2	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế
04	Trần Văn Hoàng	Ấp Minh Kiên	6.990,3	2/6/2021	2/3/2021	27/9/2021	1,5	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế
05	Nguyễn Thị Nhàn	Ấp Minh Thương B	39.666,1	1/4/2021	19/1/2021	4/10/2021	3,5	Chi nhánh VPPDK, xác nhận hạn mức nông nghiệp chậm

06	Phạm Hồng Ba	Ấp Minh Tiến	20.035,2	1/3/2021	7/1/2021	30/11/2021	5	Xác nhận hạn mức nông nghiệp chậm
07	Nguyễn Thành Trung	Ấp Minh thành	19.646,0	14/6/2021	19/5/2021	30/11/2021	3	Chi nhánh VPDK, UBND xã
08	Trương Thị Mùng	Ấp Minh Dũng A	8.123,1	17/6/2021	5/5/2021	4/11/2021	2,5	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, UBND xã
09	Phan Văn Sự	Ấp Minh Kiên	7.386,9	29/6/2021	11/5/2021	4/11/2021	2	Cơ quan thuế, UBND xã
10	Danh Đồng	Ấp Minh Kiên A	9.944,4	1/9/2020	24/8/2020	23/02/2021	2	Chi nhánh VPDK, UBND xã, nộp thuế chậm
11	Trịnh Văn Long	Ấp Minh Tân	2.760,2	27/4/2020	28/8/2018	14/3/2021	9	Chở người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
12	Văn Thành Trình	Minh Kiên - MT	60,9		10/12/2019	30/7/2021	1,5	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, UBND xã
13	Huỳnh Phước Lợi	Minh Tân A - MT	455,7	30/9/2020	27/5/2020	31/12/2020	1	Chở người sử dụng đất bổ sung hồ sơ

NĂM 2022

01	Nguyễn Thị Quyên	Ấp Minh Thương A	39.911,0	6/4/2022	22/2/2022	31/8/2022	2	Chi nhánh VPDK
02	Thái Văn Ut	Ấp Kênh Sâu	4.578,5	1/4/2021	23/7/2020	21/7/2022	12	Nộp thuế chậm
03	Lê Văn Thích	ấp Minh Thương	9.335,4	22/2/2022	18/01/2022	8/6/2022	1,5	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT
04	Nguyễn Thị Thuy	Ấp Minh thành	7.458,7	16/2/2022	1/12/2021	8/6/2022	1,5	Chi nhánh VPDK
05	Ngô Hồng Phien	ấp Minh Tiến A	8.935,8	12/11/2021	12/10/2021	28/6/2022	6	Chi nhánh VPDK
06	Nguyễn Tấn Sĩ	Ấp Minh Thành A	19.464,7	22/6/2022	11/5/2022	16/9/2022	1	Chi nhánh VPDK, UBND xã
07	Trần Văn Đường	Ấp Minh Kiên	2.526,8	29/8/2022	16/6/2022	1/12/2022	2	Chi nhánh VPDK
08	Nguyễn Hoàng Nam	Ấp Minh Thành	377,4	8/2/2022		7/12/2022	8	Xác nhận hạn mức nông nghiệp chậm
09	Dương Văn Chuyên	Ấp Minh Cường	7.807,7	24/6/2022	17/12/2021	29/9/2022	1	Phòng TN&MT, UBND xã
10	Dương Văn Khoa	Ấp Minh thương B	8.816,9	21/9/2021	13/5/2021	5/10/2022	11	Nộp thuế chậm
11	Bùi Văn Tèo Anh	Ấp Minh Kiên	11.717,0	8/2/2022	30/9/2021	22/5/2022	1	Chi nhánh VPDK
12	Cao Thị Mui	ấp Minh Tiến A	30.625,2	23/6/2021		21/3/2022	7	Phòng TN&MT
13	Nguyễn Thanh Sơn	Ấp kênh sâu	4.48,8	22/4/2021	7/6/2020	21/7/2022	1	Chi nhánh VPDK, UBND xã, chờ xin ý kiến
14	Trương Văn Khương	Ấp Chông Mỹ	6.489,4	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	15	Chờ xin ý kiến
15	Nguyễn Văn Thiên	Ấp Chông Mỹ	6.211,6	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	15	Chờ xin ý kiến
16	Võ Văn Nhin	Ấp Chông Mỹ	6.976,8	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	15	Chờ xin ý kiến
17	Trần Văn Liệt	Ấp Chông Mỹ	7.643,7	21/12/2020	8/10/2020	15/4/2022	15	Chờ xin ý kiến
18	Lê Bá Sơn	ấp Minh Tiến	9.467,4	14/12/2021	18/11/2021	12/4/2022	1,5	Phòng TN&MT, cơ quan thuế
19	Danh Buôi	ấp Minh Tiến	37.362,2	24/03/2022	28/12/2021	26/12/2022	7	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
20	Phạm Ngọc Liên	ấp Minh Kiên	41.551,8	5/5/2022		29/11/2022	3	Chi nhánh VPDK
21	Phan Trung Thu	Ấp Minh Kiên	6.068,8	18/8/2022	13/7/2021	24/11/2022	1	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
22	Đặng Phương Thông	Ấp Minh Kiên	11.433,6	18/7/2022	28/4/2021	24/12/2022	1,5	Cơ quan thuế, nộp thuế chậm
23	Huỳnh Thu Ba	Ấp Minh Thương	1.452,3	16/8/2022	25/3/2022	22/11/2022	1	Cơ quan thuế, nộp thuế chậm
24	Thị Ut Liên	ấp Minh Tiến A	2.491,3	6/12/2021	22/6/2022	10/5/2022	2	Phòng TN&MT, UBND huyện chỉ đạo xác minh
25	Huỳnh Thanh Phong	ấp Minh Tiến A	8.028,9	13/5/2022	11/1/2022	25/8/2022	1	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
26	Phạm Kiều Hân	Ấp Chông Mỹ	5.483,2	10/12/2021	2/6/2021	25/5/2022	3	Phòng TN&MT
27	Huỳnh Thị Ut Em	Ấp Minh Cường A	10.999,0	13/8/2020	8/5/2020	20/5/2022	19	Phòng TN&MT
28	Đặng Thanh Nhân	ấp Minh Tiến A	41.116,2	19/5/2021	9/4/2019	11/1/2022	5	Chi nhánh VPDK

3. THÀNH VIÊN A

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả KQ (Giấy CNQSD)	Thời gian trễ hện (tháng)	Ghi chú
NĂM 2021								
01	Phạm Hoàng Đưa	Ấp Xẻo Lùng	1.487,7	11/6/2021	4/5/2021	4/10/2021	1,5	Chi nhánh VPDK, UBND xã, nộp thuế chậm
02	Lương Thị Thu Thủy	Xẻo Lùng	8368,8	25/6/2020	19/3/2020	31/12/2020	4	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
NĂM 2022								
01	Võ Văn Ghi	Ấp Hòa Ngon	3433,1	5/7/2021	24/3/2021	21/01/2022	3	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
02	Nguyễn Văn Chiến	Hòa Ngon	5734,4	19/1/2022	29/10/2021	5/10/2022	5	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
03	Tần Minh Quang	Ấp Xẻo Lùng A	530,3	28/6/2022	19/01/2022	4/11/2022	2	Chi nhánh VPDK, UBND xã

4. XÃ HÒA CHÁNH

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thời gian trễ hện (tháng)	Ghi chú
NĂM 2021								
01	Ngô Văn Mười	Vinh Hiệp	1582,7	28/8/2020	1/7/2020	5/3/2021	4	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, UBND xã
02	Nguyễn Thị Ven	Dân Quân	7674,4	31/10/2019	7/10/2019	23/10/2021	11	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, xác nhận hạn mức nông nghiệp chậm
03	Từ Công Bền	Vinh Lập	5172,7	4/9/2020	19/5/2020	9/2/2021	3	Chi nhánh VPDK, UBND xã
04	Nguyễn Thị Rớt	Vinh Chánh	3452,1	14/9/2020	4/9/2020	27/01/2021	1	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, UBND xã
05	Nguyễn Văn Dế	Dân Quân	10675,6	9/3/2021	25/01/2021	20/7/2021	1,5	Chi nhánh VPDK, Cơ quan thuế, UBND xã
06	Nguyễn Văn Hầy	Vinh Tân	3738,7	24/8/2020	2/6/2020	27/01/2021	2	Chi nhánh VPDK, UBND xã
07	Lâm Văn Hưng	Dân Quân	7304,1	8/3/2021	25/01/2021	3/6/2021	1,5	Chi nhánh VPDK, UBND xã
08	Trần Thị Hoàng	Dân Quân	3129,4	10/7/2020	1/10/2020	3/6/2021	8	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
09	Nguyễn Văn Đây	Vinh Tân	1096,4	9/12/2020		21/5/2021	2,5	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, UBND xã
10	Nguyễn Hùng Anh	Vinh Hiệp	860,7	11/12/2020	15/11/2020	21/5/2021	1	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, UBND xã
11	Nguyễn Quốc Việt	Vinh Lập	6996,6	6/10/2020	2/7/2020	29/4/2021	3	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, UBND xã
12	Trần Thị Vân	Vinh Lập	2605,9	4/6/2021	3/3/2021	23/11/2021	2,5	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, xác nhận hạn mức nông nghiệp chậm, nộp thuế chậm
13	Phạm Văn Được	Vinh Hiệp	12438,8	18/3/2021	2/9/2020	4/11/2021	5	Chi nhánh VPDK, UBND xã
14	Trương Văn Kiệt	Vinh Hiệp	9704,3	16/9/2020	1/9/2020	21/5/2021	5	UBND xã
15	Nguyễn Thị Ánh Hằng	Vinh Lập	24983,3	28/2/2020		2/7/2020	2	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
NĂM 2022								
01	Trương Thị Lip	Vinh Trung	9.989,90	17/11/2021	15/7/2020	16/5/2022	3	Chi nhánh VPDK
02	Nguyễn Thị Tư	Vinh Chánh	4335,9	14/01/2022	5/1/2022	21/7/2022	3	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, nộp thuế chậm

03	Nguyễn Thị Thọ	Vĩnh Trung	3811,4	23/5/2022	3/2/2021	15/9/2022	1,5	Chi nhánh VPPDK, nộp thuế chậm
04	Trần Thị Hương	Vĩnh Chánh	6684,3	24/5/2022	27/10/2021	15/9/2022	1,5	Chi nhánh VPPDK, nộp thuế chậm
05	Giang Thị Lan	Vĩnh Trung	532,3	24/5/2022	18/3/2022	15/9/2022	1,5	Chi nhánh VPPDK
06	Nguyễn Thị Xuân	Dân Quân	2921,5	24/5/2022	1/4/2022	21/10/2022	2,5	Chi nhánh VPPDK, Phòng TN&MT
07	Nguyễn Văn Dũng	Dân Quân	4526,3	24/5/2022	1/4/2022	14/10/2022	2,5	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
08	Lê Văn Thắng	Dân Quân	10642,6	24/5/2022	1/4/2022	14/10/2022	2,5	Cơ quan thuế, nộp thuế chậm
09	Ngô Thị Yến	Vĩnh Hưng	489,5	16/7/2019	4/12/2018	16/6/2022	19	Nộp thuế chậm
10	Trương Văn Xuyên	Vĩnh Hưng	12021,9	10/6/2021	22/2/2021	17/6/2022	10	Cơ quan thuế, nộp thuế chậm
11	Võ Hoàng Thu	Dân Quân	8845,4	8/7/2021	29/9/2021	29/3/2022	6	Cơ quan thuế, phòng TN&MT, nộp thuế chậm
12	Trương Thị Bảy	Vĩnh Tân	3422	5/8/2022	17/6/2022	15/12/2022	1,5	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
13	Nguyễn Văn Dân	Vĩnh Lập	18824,2	20/4/2021	5/2/2021	15/12/2022	16	Xác định hạn mức nông nghiệp chậm, nộp thuế chậm
14	Nguyễn Văn Lợi	Vĩnh Hưng	8888,4	28/3/2022	19/6/2021	14/10/2022	4	Phòng TN&MT, nộp thuế chậm
15	Huyền Thị Ngọc	Vĩnh Lập	7452,6	14/01/2022	30/12/2021	21/10/2022	6	Phòng TN&MT, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
16	Nguyễn Văn Tâm	Vĩnh Chánh	8395,1	22/3/2022	21/2/2022	21/10/2022	4,5	Nộp thuế chậm
17	Lê Thị Tâm	Vĩnh Tân	4405,7	8/7/2022	26/01/2021	24/11/2022	1	Phòng TN&MT
18	Lương Thanh Phong	Vĩnh Hiệp	4259,7	17/5/2022	28/12/2021	29/11/2022	3	Phòng TN&MT, nộp thuế chậm
19	Phan Thị Hương	Vĩnh Lập	13027,3	1/11/2021	13/10/2021	21/10/2022	8	Phòng TN&MT, UBND xã
20	Nguyễn Phương Tung	Vĩnh Tân	6859,8	14/7/2022	16/4/2022	24/11/2022	1	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ
21	Võ Quốc Việt	Dân Quân	15042,4	20/10/2021	18/10/2020	25/5/2022	5	UBND xã
22	Kha Thị Thiệp	Vĩnh Trung	1813,8	23/6/2022	18/3/2022	15/12/2022	3	Chò người sử dụng đất bổ sung hồ sơ

5. XÃ AN MINH BẮC

STT	Họ và tên	địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thời gian trễ hạn (tháng)	Ghi chú
NĂM 2021								
01	Hình Minh Thành	Ấp Kinh Năm	8912,8	11/1/2021		21/5/2021	2	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế
02	Phan Ngọc Thanh	An Thạnh	9,622,5	30/5/2020	4/6/2020	27/1/2021	5	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế, UBND xã
03	Đặng Văn Minh	An Thạnh	9,920	5/3/2021	18/9/2020	22/6/2021	1	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế, UBND xã, nộp thuế chậm
04	Trần Thị Nhiên	Minh Hưng	9,231,8	17/5/2021	25/3/2021	27/9/2021	1	Chi nhánh VPPDK
05	Danh Sơn	Trung Đoàn	8,589,6	10/5/2021	6/5/2021	27/9/2021	1,5	Chi nhánh VPPDK, UBND xã
06	Đặng Văn Bảy	Kinh Năm	8,786,7	17/12/2020	15/9/2020	30/7/2021	4	Chi nhánh VPPDK, UBND xã
07	Châu Thị Năm	An Thạnh	10,995,9	27/8/2020	4/8/2020	13/1/2021	2	Chi nhánh VPPDK, nộp thuế chậm
08	Đoàn Hữu Trí	An Hoà	7,682,1	27/10/2020	22/10/2020	5/3/2021	2	Chi nhánh VPPDK, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
NĂM 2022								
01	Trịnh Văn Long	Ấp Công Sự	3922,1	16/4/2021	18/3/2021	21/3/2022	8	Chi nhánh VPPDK, UBND xã

02	Huỳnh Thị Màu	Áp An Hòa	9.525,30	2/11/2021	22/5/2019	27/4/2022	2	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
03	Nguyễn Thị Tào	An Hoà	10.321,3	28/1/2022	15/9/2022	28/12/2022	9	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
04	Huỳnh Minh Dân	Kinh Năm	7.872	10/4/2022	11/8/2022	16/11/2022	4	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, cơ quan thuế
05	Danh Dân	Kinh Năm	27.241	4/5/2022	25/3/2022	7/10/2022	3	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, cơ quan thuế, nộp thuế chậm
06	Đặng Văn Bé Lớn	Kinh Năm	7.957,5	27/12/2021	8/6/2021	27/4/2022	1,5	Cơ quan thuế

6. XÃ THÀNH YÊN

STT	Họ và tên	địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thời gian trễ hện (tháng)	Ghi chú
NĂM 2021								
01	Nguyễn Thị Sự	Cạn Ngọn A	8.916,8	31/12/2020	13/10/2020	21/5/2021	2	UBND xã
02	Nguyễn Thị Lắm	Xẻo Kè A	8.277,4	12/11/2020	23/10/2020	21/5/2021	3	UBND xã
03	Võ Thị Nhung	Đặng Văn Do	4.086	9/11/2020	23/10/2020	14/4/2021	2	Chi nhánh VPDK, UBND xã
04	Đỗ Thị Sơn	Đặng Văn Do	4.215	9/11/2020	23/10/2020	14/4/2021	2	UBND xã
05	Danh Đồi	Cạn Vàm	1.065,30	5/2/2021	27/01/2021	20/7/2021	2	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, UBND xã
06	Lý Văn Chiến	Xẻo Kè A	3.200,70	27/11/2020	22/11/2019	29/3/2021	1	UBND xã
07	Thiếu Văn Biển	Cạn Vàm	14.201,80	27/10/2020		3/6/2021	2	UBND xã
08	Lê Thị Ô	Xẻo Kè A	2.140,90	6/12/2016	21/3/2017	22/6/2021	42	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
09	Đặng Văn Anh	Bờ Dừa	1.414,90	16/12/2021	25/10/2021	4/1/2022	1	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
10	Danh Sỏi	Cạn Ngọn	10.358,90	10/1/2022	23/4/2021	16/5/2022	1,5	Chi nhánh VPDK
11	Phạm Thị Dũng	Cạn Ngọn	3.924,50	7/1/2022	14/4/2021	16/5/2022	1,5	Chi nhánh VPDK
12	Lê Ngọc Ba	Cạn Vàm	14.201,80	20/10/2020	1/7/2020	3/6/2021	2,5	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT, UBND xã

NĂM 2022

01	Nguyễn Văn Kiệt	Cạn Ngọn A	1.454,3	16/5/2017	20/12/2016	15/4/2022	56	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
02	Nguyễn Thị Tuyết	Xẻo Kè A	275,1	13/5/2022	26/7/2022	22/11/2022	2,5	Chi nhánh VPDK
03	Nguyễn Thị Bạch	Xẻo Kè A	4.074,8	12/5/2022	26/7/2022	22/11/2022	3,5	Chi nhánh VPDK
04	Danh Ủi	Cạn Vàm A	1.644,2	19/7/2022	14/4/2022	4/11/2022	1,5	Chi nhánh VPDK
05	Đỗ Thị Lắm Liệt	Cạn Ngọn A	66,7	15/11/2021	5/10/2021	4/7/2022	6,5	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
06	Trương Ngọc Dung	Đặng Văn Do	1.951,5	28/02/2022	19/01/2022	8/7/2022	2,5	Chi nhánh VPDK, UBND xã
07	Trịnh Văn Hai	Bờ Dừa	1.162,4	24/02/2022	2/12/2021	27/4/2022	1	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
08	Trương Thành Long	Cạn Vàm	168,9	16/6/2022	4/3/2022	16/9/2022	1	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
09	Lương Văn Ủi	Bờ Dừa	9.380,1	2/6/2021	25/5/2021	4/11/2022	2	Chò người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
10	Phạm Thị Hoàng	Cạn Ngọn	3.924,2	7/1/2022	6/5/2021	25/5/2022	1,5	Chi nhánh VPDK

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ SƠ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SAI SÓT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC
(Kèm Kết luận thanh tra số 02/KL-UBND, ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện U Minh Thượng)

Phụ lục 04

1. XÃ MINH THUẬN

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Diện tích xin CMBSD (m ²)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/sai sót
NĂM 2021									
01	Nguyễn Thị Kiều Diệu	Ấp Minh Thượng A	1.723,5	180	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	22/2/2021	7/10/2020	6/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
02	Phạm Bảo Lộc	Ấp Minh Tiến	1.289,3	257,6	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	20/4/2021	15/3/2021	28/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Lê Trung Nguyễn	Ấp Minh Kiên	13.505,8	300	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	13/5/2021	22/4/2021	28/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
04	Trương Thị Nhi	Ấp Minh Kiên	4287,1	405	Từ đất trồng lúa còn lại thành đất ở tại nông thôn	27/5/2021	20/7/2020	25/6/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
NĂM 2022									
01	Lê Văn Ty	Ấp Chông Mỹ	14.000,0	135	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	26/5/2022	25/1/2021	1/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
02	Nguyễn Văn Trung	Ấp Minh Kiên	28.334,0	63,1	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	16/12/2021	30/9/2021	24/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Trần Ngọc Vinh	Ấp Kênh sáu	1.233,7	90	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	27/9/2022	11/7/2022	17/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
04	Bùi Văn Hoàng	Ấp Minh Tiến	1.086,2	50	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	27/12/2021	1/11/2021	24/1/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

05	Nguyễn Thị Liên	Ấp Minh Kiên	7.020,1	45	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	25/4/2022	11/3/2022	6/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
06	Thị Út Liên	Ấp Minh Tiến A	2.491,3	90	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	25/7/2022	10/4/2022	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
07	Lưu Tấn Bi	Ấp Minh Tiến	1.871,1	150	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	8/9/2022	10/8/2022	31/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
08	Lý Cẩm Lệ	Ấp Minh Thượng	1.362,4	120	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	30/11/2022	15/6/2021	21/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
09	Phạm Thị Thanh A	Ấp Minh Thượng A	1.757,2	45	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	10/1/2022	24/9/2021	16/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
10	Đinh Thị Lan	Ấp Minh Kiên	13.200,0	100,4	Đất trồng lúa nước lên đất ONT	21/2/2022	10/1/2022	25/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
11	Phan Tiểu Linh	Ấp Minh Tiến A	5285,7	90	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành đất ở tại nông thôn	27/7/2022	12/5/2022	19/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
12	Danh Hòa	Ấp Minh Tiến A	5294,7	50	Từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại nông thôn	15/11/2022	15/6/2022	5/1/2023	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
13	Trần Văn Sơn	Ấp Minh Thành	226,3	45	Từ đất chuyển trồng lúa nước thành đất ở tại nông thôn	19/9/2022	29/8/2022	9/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
14	Văn Công Hai	Ấp Minh Kiên	231,6	60	Từ đất chuyển trồng lúa nước thành đất ở tại nông thôn	19/10/2021	12/5/2021	17/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
15	Phan Thị Như Ý	Ấp Minh Thành	10005,8	280	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành đất ở tại nông thôn	7/3/2022	31/5/2021	25/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

2. XÃ THẠNH YÊN A

STT	Họ và tên	địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Diện tích xin CMBSD (m2)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/sai sót
1	Lê Văn Mì	Ấp Xẻo Lũng	801,7	90	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn	25/5/2022	9/3/2022	6/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

2	Nguyễn Hùng Dũng	Áp Hòa Vàm	6497,1	397,5	Từ đất chuyển trồng lúa nước thành đất thương mại, dịch vụ	22/8/2022	1/8/2022	31/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
3	Trương Văn Nén	Áp Hòa Vàm	1417,1	100	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn	23/9/2022	12/7/2022	15/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

3. XÃ THÀNH YÊN

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Diện tích xin CMBSD (m2)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/sai sót
-----	-----------	------------------	----------------	--------------------------	----------	-----------------	------------------------	-----------------------	-----------------------

NĂM 2021

01	Võ Phúc Minh	Áp Cạn Vàm	510,1	105,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	26/01/2021	19/6/2020	9/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
02	Phạm Văn Vũ	Áp Dăng Văn Do	353,7	45,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành đất ở nông thôn	24/02/2021	16/9/2020	24/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Quách Hồng Kha	Áp Dăng Văn Do	189,1	45,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành đất ở nông thôn	24/02/2021	16/9/2020	24/3/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
04	Nguyễn Minh Diệp	Áp Cạn Ngọn	16657,0	95,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất ở tại nông thôn	19/01/2021	24/9/2020	24/02/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
05	Lương Văn Bé	Áp Cạn Ngọn A	6259,6	45,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	26/10/2021	28/9/2021	17/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
06	Nguyễn Út Sang	Áp Cạn Ngọn A	17998,9	306,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất ở tại nông thôn	14/10/2021		5/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Bàn mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng, năm
07	Trần Văn Cho	Áp Cạn Ngọn A	9284,0	140,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất ở tại nông thôn	12/11/2021	25/11/2021	31/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung
NĂM 2022									
01	Trương Văn Rập và Nguyễn Cẩm Vân	Áp Dăng Văn Do	1191,0	45,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	21/10/2022	25/8/2022	13/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
02	Nguyễn Bích Nhiên	Áp Dăng Văn Do	357,4	100,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	29/11/2022	19/8/2022	27/01/2023	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

03	Dương Văn Thi	Áp Cạn Ngon	1805,7	45,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	10/11/2022	9/11/2022	3/1/2023	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
04	Bùi Văn Hoa	Áp Cạn Ngon A	3840,5	100,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất ở tại nông thôn	23/3/2022	11/2/2022	5/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
05	Phan Thanh Bông	Áp Đăng Văn Do	13951,4	90,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất ở tại nông thôn	14/9/2022	2/8/2022	4/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
06	Cao Văn Trí	Áp Xẻo Kè A	5643,3	45,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	24/5/2022	7/3/2022	4/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
07	Ông Văn Năm	Áp Cạn Ngon A	16107,0	45,0	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất ở tại nông thôn	25/5/2022	2/3/2022	6/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
08	Lê Văn Dương	Áp Đăng Văn Do	23079,1	145,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn	1/3/2022	1/11/2021	12/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
09	Lưu Thị Hạnh	Áp Bò Dừa	10474,5	10474,5	Từ đất trồng lúa nước còn lại thành Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	31/8/2022		25/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Bàn mô tả ranh giới, mốc giới thừa đất không ghi ngày, tháng năm
10	Đồng Ngọc Phương	Áp Cạn Ngon	14207,0	98,0	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn	20/7/2022	17/6/2022	15/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
11	Bùi Quang Thiện	Áp Xẻo Kè	8159,32	90,0	Từ đất trồng lúa nước thành đất ở nông thôn	31/8/2022	18/6/2022	25/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
12	Trần Thị Như Ý	Áp Đăng Văn Do	782,3	90	Từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn	13/4/2022		25/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Bàn mô tả ranh giới, mốc giới thừa đất không ghi ngày, tháng năm

4. XÃ HÒA CHÁNH

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Diện tích xin CMBSD (m2)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/sai sót
NĂM 2021									
01	Nguyễn Thanh Hà	Áp Dân Quan	3.656,7	45	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	20/10/2021	4/6/2021	30/12/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

NĂM 2022									
01	Trương Thị Thuý	Áp Dân Quán	531,0	90	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	22/6/2022	10/5/2022	2/8/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
02	Nguyễn Phương Tiến	Áp Dân Quán	1.064,8	90	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	10/6/2022	26/5/2022	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Nguyễn Phương Tiến	Áp Dân Quán	3.129,9	180	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	10/6/2022	26/6/2022	21/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung
5. XÃ VINH HÒA									
STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Diện tích xin CMBSD (m2)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/sai sót
01	Đặng Văn Quý	Áp Vĩnh Thành	597,7	45	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	2/11/2022		23/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Bàn mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không ghi ngày, tháng năm
02	Đỗ Hoàng Hiếu	Áp Vĩnh Thành	914,3	35,2	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	14/2/2022	2/12/2021	29/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Bùi Văn Khoa	Áp Vĩnh Thành	1.171,8	90	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	14/2/2022	10/1/2022	16/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
04	Bùi Văn Hiết	Áp Vĩnh Thành	3.324,6	45	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	7/2/2022	28/12/2021	16/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
05	Đặng Văn Quý	Áp Vĩnh Thành	597,7	45	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	2/11/2022	24/10/2022	23/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
06	Lê Thanh Nhân	Áp Cây Bàng	2.661,6	90	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	29/7/2022	24/6/2022	18/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

6. XÃ AN MINH BẮC									
STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Diện tích xin CMBSD (m ²)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thiếu thủ tục/sai sót
NĂM 2021									

01	Võ Minh Sơn	Ấp An Thạnh	2.103,1	167,4	Đất trồng cây lâu năm lên đất ONT	16/6/2021	5/5/2021	5/7/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
02	Trần Thanh Phong	Công Sự	179	117	CLN-ONT	20/9/2021	13/9/2021	22/11/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Phạm Thanh Tùng	An Thạnh	2000,6	50,8	LUK-ONT	13/4/2021	30/3/2021	30/9/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
04	Nguyễn Kế Hùng	Minh Thới	8.772,5	916,7	LUC-ONT	9/2/2021	27/1/2021	10/5/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
05	Võ Mộng Nhi	An Thạnh	2.248,7	291,7	LUC-TMD	10/6/2020	20/4/2020	18/1/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
06	Trần Văn Khánh	Công Sự	256,1	50	LUC-ONT	3/2/2021	28/9/2020	12/4/2021	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
07	Lê Thị Tròn	Kênh Năm	22.480	45	LUK-ONT	7/10/2021	6/10/2021	3/2/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
08	Lý Thiện Nam Nguyễn Thanh Tâm	Công Sự	1.000	100	LUK-ONT	13/10/2021	15/6/2021	14/01/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

NĂM 2022

01	Nguyễn Đình Hứa	Ấp Công Sự	1.360,6	135	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	2/11/2022	9/11/2022	23/12/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung
02	Nguyễn Văn Hoàng	Ấp Minh Thới	11.840,8	45	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	9/11/2022	27/5/2022	21/3/2023	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
03	Huỳnh Văn Sơn	Ấp Kênh Năm	29.175,0	204	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	17/11/2022	2023	20/3/2023	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung
04	Phạm Văn Đức	Ấp Minh Trung	476,2	45	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	21/6/2022	6/6/2022	17/1/2023	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
05	Lê Văn Dương	Kinh Tư	16.920	45	Cây lâu năm lên đất ở nông thôn	20/10/2021	6/10/2021	14/3/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
06	Mai Văn Khai	Kinh Năm	6.952,2	145	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	24/6/2022	5/5/2022	18/7/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

07	Quách Văn Đời	Công Sự	9.448,9	45	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	10/5/2022	19/4/2022	7/6/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
08	Nguyễn Thanh Đức	Kênh Tư	893,5	246	Đất chuyển lúa lên đất ở nông thôn	22/3/2022	5/3/2022	25/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
09	Nguyễn Thị Bé Ty	Kinh Tư	3.144,9	45	Đất chuyển lúa lên đất ở nông thôn	24/2/2022	19/01/2022	14/4/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
10	Nguyễn Hải Tiên	Minh Trung	4.597,40	90,9	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	13/4/2022	5/10/2021	18/5/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
11	Trình Văn Trọng	An Hưng	17.365	211,3	Đất trồng lúa lên đất thương mại dịch vụ	29/9/2022	26/8/2022	29/11/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
12	Phạm Thị Lệ	Kinh Tư	2.278,2	90	Đất trồng lúa lên đất ở nông thôn	20/7/2022	5/7/2022	22/9/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước
13	Nguyễn Kế Hùng	Minh Thoại	8.772,5	4500	Đất chuyển lúa lên đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	14/9/2022	29/8/2022	21/10/2022	- Phiếu ISO không ghi đầy đủ nội dung - Đo đạc trước

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ SƠ TRỄ HẸN ĐỐI VỚI HỒ SƠ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm Kết luận thanh tra số 12 /KL-UBND, ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

Phụ lục 05

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m2)	Diện tích xin CMBSD (m2)	Loại đất	Ngày nhận hồ sơ	Ngày đo đạc hiện trạng	Ngày trả (Giấy CNQSD)	Thời gian trễ hện (tháng)	Ghi chú
NĂM 2021										
01	Trần Thanh Phong	Ấp Công Sự - AMB	179	117	CLN-ONT	20/9/2021	13/9/2021	22/11/2021	22 ngày	Chi nhánh VPDK
02	Phạm Thanh Tùng	Ấp An Thạnh - AMB	2000,6	50,8	LUK-ONT	13/4/2021	30/3/2021	30/9/2021	04 tháng	Chờ người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
03	Nguyễn Kế Hùng	Ấp Minh Thoại - AMB	8.772,5	916,7	LUC-ONT	9/2/2021	27/1/2021	10/5/2021	01 tháng	Chờ thẩm định nguồn gốc đất
04	Vô Mộng Nhi	Ấp An Thạnh - AMB	2.248,7	291,7	LUC-TMD	10/6/2020	20/4/2020	18/1/2021	4 tháng	Chi nhánh VPDK, Phòng TN&MT
05	Trần Văn Khánh	Ấp Công Sự - AMB	256,1	50	LUC-ONT	3/2/2021	28/9/2020	12/4/2021	14 ngày	Chi nhánh VPDK
06	Lê Thị Tròn	Ấp Kênh Năm - AMB	22.480	45	LUK-ONT	7/10/2021	6/10/2021	3/2/2022	3 tháng	Chi nhánh VPDK, phòng TN&MT
07	Lý Thiện Nam Nguyễn Thanh Tâm	Ấp Công Sự - AMB	1.000	100	LUK-ONT	13/10/2021	15/6/2021	14/01/2022	01 tháng	Chi nhánh VPDK, phòng TN&MT
NĂM 2022										
01	Nguyễn Văn Hoàng	Ấp Minh Thoại - AMB	11.840,8	45	LUC-ONT	9/11/2022	27/5/2022	21/3/2023	3tháng	Chờ người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
02	Huỳnh Văn Sơn	Ấp Kênh Năm - AMB	29.175,0	204	LUC-ONT	17/11/2022	2023	20/3/2023	3tháng	Chờ người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
03	Phạm Văn Đức	Ấp Minh Trung - AMB	476,2	45	LUC-ONT	21/6/2022	6/6/2022	17/1/2023	6tháng	Chờ người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ
04	Lê Văn Dương	Kinh Tư - AMB	16.920	45	CLN-ONT	20/10/2021	6/10/2021	14/3/2022	3 tháng	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
05	Trịnh Văn Trọng	An Hưng - AMB	17.365	211,3	LUK-TMD	29/9/2022	26/8/2022	29/11/2022	13 ngày	Chi nhánh VPDK, cơ quan thuế
06	Phạm Thị Lệ	Kinh Tư - AMB	2.278,2	90	LUK-ONT	20/7/2022	5/7/2022	22/9/2022	15 ngày	Chờ người sử dụng đất bỏ sung hồ sơ